

Kinh Hoa Nghiêm

HOA NGHIÊM KINH Q 059.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần
Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt 3/2013.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 9, No. 278 大方廣佛華嚴經,
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.34,
Normalized Version.

Taisho Tripitaka Vol. 9, No. 278 Đại Phương Quảng
Phật Hoa Nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic
Tripitaka V1.34, Normalized Version.

大方廣佛華嚴經卷第五十九

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quyển đệ
ngũ thập cửu.

**Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật quyển thứ
59.**

東晉天竺三藏佛馱跋陀羅譯

Đông Tấn Thiên Trúc Tam Tạng Phật Đà Bạt Đà La
dịch.

入法界品第三十四之十六

Nhập Pháp giới Phẩm đệ tam thập tứ chi thập lục.

Phẩm thứ 34 phần 16 Nhập vào Cõi Pháp.

爾時彌勒菩薩以如是等讚歎善財諸妙功德。

Nhĩ thời Di Lạc Bồ Tát dĩ như thị đẳng tán thán Thiện Tài chư diệu công Đức.

Khi đó Di Lạc Bồ Tát dùng như thế cùng với ca ngợi các công Đức vi diệu của Thiện Tài.

令無量眾生發道心已。告善財言：善哉！善哉！

Linh vô lượng chúng sinh phát Đạo tâm dĩ. Cáo Thiện Tài ngôn : Thiện tai ! Thiện tai !

Giúp cho vô lượng chúng sinh phát tâm Đạo xong.

Bảo với Thiện Tài nói rằng : Thiện thay !Thiện thay!

童子!

乃能發阿耨多羅三藐三菩提心。專求一切佛法。

Đồng tử ! Nãi năng phát A nậu Đa la Tam miểu tam Bồ Đề tâm. Chuyên cầu nhất thiết Phật Pháp.

Cậu bé ! Lại hay phát tâm A nậu Đa la Tam miểu tam Bồ Đề. Chuyên cầu tất cả Pháp Phật.

饒益一切世間。救護一切眾生。善男子!

Nhiêu ích nhất thiết Thế gian. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh. Thiện nam tử !

Lợi ích tất cả Thế gian. Cứu giúp tất cả chúng sinh.
Người nam thiện !

汝得善利,人身壽命,值遇諸佛。

Nhữ đắc thiện lợi, nhân thân thọ mệnh, trực ngộ chư Phật.

Ngài được lợi thiện, thân người thọ mệnh, trực tiếp gặp các Phật.

得見文殊師利大善知識。汝為法器。善根潤澤。

Đắc kiến Văn Thù Sư Lợi đại thiện Tri thức. Nhữ vi Pháp khí. Thiện Căn nhuận trạch.

Được thấy Tri thức thiện lớn Văn Thù Sư Lợi. Ngài là khí chất Pháp. Căn thiện sáng nhuận.

長清白法。淨勝欲性。為善知識之所總攝。

Trưởng thanh bạch Pháp, tịnh thắng dục tính. Vị thiện Tri thức chi sở tổng nhiếp.

Tăng trưởng Pháp sáng sạch, Thanh tịnh tốt tính tham muốn. Vì được Tri thức thiện hút lấy tất cả.

諸佛護念。何以故？菩提心者則為一切諸佛種子。

Chư Phật hộ niệm. Hà dĩ cố ? Bồ Đề tâm giả tác vi nhất thiết chư Phật chủng tử.

Các Phật nhớ giúp. Có là sao ? Tâm Bồ Đề chắc là hạt giống của tất cả các Phật.

能生一切諸佛法故。菩提心者則為良田。

Năng sinh nhất thiết chư Phật Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi lương điền.

Do hay sinh ra tất cả các Pháp Phật. Tâm Bồ Đề chắc là ruộng tốt.

長養眾生白淨法故。菩提心者則為大地。

Trưởng dưỡng chúng sinh bạch tịnh Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Đại địa.

Do nuôi lớn Pháp sáng sạch của chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là chắc là Đất lớn.

能持一切諸世間故。菩提心者則為淨水。

Năng trì nhất thiết chư Thế gian cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tịnh thủy.

Do có thể giữ tất cả các Thế gian. Tâm Bồ Đề chắc là nước Thanh tịnh.

洗濯一切煩惱垢故。菩提心者則為大風。

Tẩy trạc nhất thiết Phiền não cấu cố. Bồ Đề tâm giả tác vi đại phong.

Do tẩy sạch tất cả bản Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là gió lớn.

一切世間無障礙故。菩提心者則為盛火。

Nhất thiết Thế gian vô chướng ngại cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thịnh hỏa.

Do tất cả Thế gian không có chướng ngại. Tâm Bồ Đề chắc là lửa cháy mạnh.

能燒一切邪見愛故。菩提心者則爲淨日。

Năng thiêu nhất thiết tà kiến ái cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tịnh Nhật.

Do có thể thiêu cháy tất cả yêu thấy sai trái. Tâm Bồ Đề chắc là mặt Trời Thanh tịnh.

普照一切眾生類故。菩提心者則爲明月。

Phổ chiếu nhất thiết chúng sinh loại cố. Bồ Đề tâm giả tác vi minh Nguyệt.

Do chiếu sáng khắp tất cả loại chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là Trăng sáng.

諸白淨法悉圓滿故。菩提心者則爲淨燈。

Chư bạch tịnh Pháp tất viên mãn cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tịnh đăng.

Do đều đầy đủ các Pháp sáng sạch. Tâm Bồ Đề chắc là đèn sáng Thanh tịnh.

普照一切諸法界故。菩提心者則爲淨眼。

Phổ chiếu nhất thiết chư Pháp giới cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tịnh nhãn.

Do chiếu sáng khắp tất cả các Cõi Pháp. Tâm Bồ Đề chắc là mắt Thanh tịnh.

悉能觀見邪正道故。菩提心者則爲大道。

Tất năng đở kiến tà Chính đạo cố. Bồ Đề tâm giả tác vi đại Đạo.

Do đều có thể nhìn thấy Đạo đúng sai. Tâm Bồ Đề chắc là Đạo lớn.

皆令得入一切智城故。菩提心者則為正濟。

Giai linh đặc nhập Nhất thiết Trí thành cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi chính tế.

Do đều giúp cho được vào thành trì Tất cả Trí tuệ.

Tâm Bồ Đề chắc là cứu giúp đúng.

悉令得到出要處故。菩提心者則為大乘。

Tất linh đặc đáo xuất yếu xứ cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Đại thừa.

Do đều giúp cho được tới nơi sinh ra cốt yếu. Tâm Bồ Đề chắc là Pháp Bậc Phật.

容載一切諸菩薩故。菩提心者則為門戶。

Dung tải nhất thiết chư Bồ Tát cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi môn hộ.

Do nhận chuyển vận tất cả các Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là cửa nhà.

令入一切菩薩行故。菩提心者則為宮殿。

Linh nhập nhất thiết Bồ Tát hạnh cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi cung điện.

Do giúp cho nhập vào tất cả hạnh Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là cung điện.

安住修習三昧法故。菩提心者則為園觀。

An trụ tu tập Tam muội Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi viên quán.

Do yên ở tu luyện Pháp Tam muội. Tâm Bồ Đề chắc là vườn quán.

於中遊戲受法樂故。菩提心者則為勝宅。

Ư trung du hí thụ Pháp lạc cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thắng trạch.

Do ở trong đó đi lại hiện ra nhận vui sướng của Pháp. Tâm Bồ Đề chắc là nhà ở đẹp.

一切眾生所歸依故。菩提心者則為依止。

Nhất thiết chúng sinh sở Quy y cố. Bồ Đề tâm giả tác vi y chỉ.

Do bởi tất cả chúng sinh Trở về nương theo. Tâm Bồ Đề chắc là dừng dựa.

因修一切菩薩行故。菩提心者則為守護。

Nhân tu nhất thiết Bồ Tát hạnh cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thủ hộ.

Do bởi tu hành tất cả hạnh Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là giúp bảo vệ.

能滿菩薩諸大願故。菩提心者則為慈母。

Năng mãn Bồ Tát chư đại nguyện cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Từ mẫu.

Do có thể đầy đủ các nguyện lớn của Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là Mẹ hiền.

增長一切諸菩薩故。菩提心者則為養育。

Tăng trưởng nhất thiết chư Bồ Tát cố. Bồ Đề tâm giả tác vi dưỡng dục.

Do tăng trưởng tất cả các Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là nuôi dạy.

守護一切諸菩薩故。菩提心者則為善知識。

Thủ hộ nhất thiết chư Bồ Tát cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thiện Tri thức.

Do giúp bảo vệ tất cả các Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là Tri thức thiện.

離一切惡諸恐怖故。菩提心者則為大王。

Ly nhất thiết ác chư khủng bố cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Đại vương.

Do rời tất cả ác các hoảng sợ. Tâm Bồ Đề chắc là Vua lớn.

勝諸聲聞, 緣覺心故。菩提心者則為最勝。

Thắng chư Thanh Văn, Duyên Giác tâm cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tối thắng.

Do tâm vượt hơn các Thanh Văn Duyên Giác. Tâm Bồ Đề chắc là tốt nhất.

成滿一切無比願故。菩提心者則為大海。

Thành mãn nhất thiết vô tỉ nguyện cố. Bồ Đề tâm giả tác vi đại hải.

Do được đầy đủ tất cả nguyện khó sánh. Tâm Bồ Đề chắc là biển lớn.

悉能容受諸功德故。菩提心者則為須彌山王。

Tất năng dung thụ chư công Đức cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Tu Di sơn vương.

Do đều có thể thu nhận các công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là núi Tu Di lớn nhất.

等觀眾生心不動故。菩提心者則為金剛圍山。

Đẳng quan chúng sinh tâm bất động cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Kim Cương Vi sơn.

Do tâm không động bình đẳng quan sát chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là núi Kim Cương Vi.

攝持一切諸眾生故。菩提心者則為雪山。

Nhiếp trì nhất thiết chư chúng sinh cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Tuyết sơn.

Do hút lấy giữ tất cả các chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là núi Tuyết.

長養智慧清涼藥故。菩提心者則為香山。

Trưởng dưỡng Trí tuệ thanh lương dược cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Hương sơn.

Do nuôi lớn thuốc sạch mát Trí tuệ. Tâm Bồ Đề chắc là núi Hương.

出生一切功德香故。菩提心者則為虛空。

Xuất sinh nhất thiết công Đức hương cố. Bồ Đề tâm giả tác vi hư không.

Do sinh ra tất cả hương công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là khoảng không.

諸妙功德無邊際故。菩提心者則為蓮華。

Chư diệu công Đức vô biên tế cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Liên hoa.

Do các công Đức vi diệu không giới hạn. Tâm Bồ Đề chắc là hoa Sen.

不染一切世間法故。菩提心者則為寶象。

Bất nhiễm nhất thiết Thế gian Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi bảo tượng.

Do không nhiễm tất cả Pháp Thế gian. Tâm Bồ Đề chắc là voi báu.

悉能調伏一切根故。菩提心者則為寶馬。

Tất năng điều phục nhất thiết Căn cố. Bồ Đề tâm giả tác vi bảo mã.

Do đều có thể điều phục tất cả Căn. Tâm Bồ Đề chắc là ngựa báu.

遠離諸惡(怡台+龍)候法故。菩提心者則為調御師。

Viễn ly chư ác lung lệ Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Điều Ngự Sư.

Do rời xa các Pháp ác hung bạo. Tâm Bồ Đề chắc là Thầy Điều Ngự.

悉能守護摩訶衍故。菩提心者則為良藥。

Tất năng thủ hộ Ma Ha Diễn cố. Bồ Đề tâm giả tác vi lương dược.

Do đều có thể giúp bảo vệ Ma Ha Diễn. Tâm Bồ Đề chắc là thuốc tốt.

療治一切煩惱病故。菩提心者則為沃焦。

Liệu trị nhất thiết Phiền não bệnh cố. Bồ Đề tâm giả tác vi ốc tiêu.

Do chữa trị tất cả bệnh Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là đốt cháy béo.

消盡一切不善法故。菩提心者則為金剛。

Tiêu tận nhất thiết bất thiện Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Kim cương.

Do tan hết tất cả Pháp không thiện. Tâm Bồ Đề chắc là Kim cương.

壞散一切諸惡法故。菩提心者則為和香。

Hoại tán nhất thiết chư ác Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi hòa hương.

Do tan hỏng tất cả các Pháp ác. Tâm Bồ Đề chắc là hương hòa hợp.

出生一切功德香故。菩提心者則為妙華。

Xuất sinh nhất thiết công Đức hương cố. Bồ Đề tâm giả tác vi diệu hoa.

Do sinh ra tất cả hương công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là hoa đẹp.

一切世間所愛樂故。菩提心者則爲白梅檀。

Nhất thiết Thế gian sở ái lạc cố. Bồ Đề tâm giả tác vi bạch Chiên đàn.

Do được tất cả Thế gian yêu thích. Tâm Bồ Đề chắc là Chiên đàn trắng.

除滅五欲諸熱病故。菩提心者則爲樂器。

Trừ diệt ngũ Dục chư nhiệt bệnh cố. Bồ Đề tâm giả tác nhạc khí.

Do trừ diệt các bệnh nóng 5 Tham muốn. Tâm Bồ Đề chắc là đồ âm nhạc.

微妙音聲聞法界故。菩提心者則爲勇健。

Vi diệu âm thanh văn Pháp giới cố. Bồ Đề tâm giả tác vi dũng kiện.

Do Cõi Pháp nghe âm thanh vi diệu. Tâm Bồ Đề chắc là dũng mạnh.

摧滅煩惱諸怨敵故。菩提心者則爲善攝。

Tồi diệt Phiền não chư oán địch cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thiện nhiếp.

Do bẻ gãy các oán địch Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là hút lấy thiện.

拔出一切煩惱刺故。菩提心者則爲尊主。

Bạt xuất nhất thiết Phiền não thứ cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tôn chủ.

Do rút bỏ tất cả châm chích Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là chủ tôn kính.

於餘一切莫能勝故。菩提心者則為毘沙門天王。

Ư dư nhất thiết mạc năng thắng cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Tì Sa Môn Thiên vương.

Do với tất cả người khác không thể hơn được. Tâm Bồ Đề chắc là Vua Trời Tì Sa Môn.

捨離一切諸貧苦故。菩提心者則為妙德。

Xả ly nhất thiết chư bần khổ cố. Bồ Đề tâm giả tác vi diệu Đức.

Do rời bỏ tất cả các nghèo khổ. Tâm Bồ Đề chắc là Đức vi diệu.

莊嚴一切諸功德故。菩提心者則為莊嚴具。

Trang nghiêm nhất thiết chư công Đức cố. Bồ Đề tâm giả tác vi trang nghiêm cụ.

Do trang nghiêm tất cả các công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là đồ dùng trang nghiêm.

嚴飾一切諸菩薩故。菩提心者則為火災。

Nghiêm sức nhất thiết chư Bồ Tát cố. Bồ Đề tâm giả tác vi hỏa tai.

Do nghiêm sức tất cả các Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là tai nạn lửa.

焚燒一切有爲法故。菩提心者則爲無壞藥王樹根。

Phần thiêu nhất thiết Hữu vi Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi vô hoại dược vương thụ Căn.

Do thiêu đốt tất cả Pháp Có hình tướng. Tâm Bồ Đề chắc là gốc cây thuốc không hỏng lớn nhất.

長養一切諸佛法故。菩提心者則爲龍珠。

Trưởng dưỡng nhất thiết chư Phật Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Long châu.

Do nuôi lớn tất cả các Pháp Phật. Tâm Bồ Đề chắc là viên ngọc Rồng.

除滅無量煩惱毒故。菩提心者則爲水珠。

Trừ diệt vô lượng Phiền não độc cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thủy châu.

Do trừ diệt vô lượng khổ độc Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là ngọc sinh nước.

淨諸心垢煩惱濁故。菩提心者則爲如意珠。

Tịnh chư tâm cấu Phiền não trược cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Như ý châu.

Do Thanh tịnh bản đục Phiền não của các tâm. Tâm Bồ Đề chắc là ngọc Như ý.

具足一切功德利故。菩提心者則爲天德瓶。

Cụ túc nhất thiết công Đức lợi cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Thiên Đức bình.

Do lợi ích đầy đủ tất cả công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là bình đưng Đức trên Trời.

滿足一切所欲樂故。菩提心者則為劫初樹。

Mãn túc nhất thiết sở dục lạc cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Kiếp sơ thụ.

Do vì đầy đủ tất cả vui tham muốn. Tâm Bồ Đề chắc là cây mới của Kiếp.

出生一切莊嚴具故。菩提心者則為恒娑衣。

Xuất sinh nhất thiết trang nghiêm cụ cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Hằng sa y.

Do sinh ra tất cả đồ dùng trang nghiêm. Tâm Bồ Đề chắc là áo nhiều như cát sông Hằng.

不受一切諸塵垢故。菩提心者則為正業。

Bất thụ nhất thiết chư trần cấu cố. Bồ Đề tâm giả tác vi chính Nghiệp.

Do không nhận tất cả các Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là Nghiệp đúng.

本性淨故。菩提心者則為利犁。

Bản tính tịnh cố. Bồ Đề tâm giả tác vi lợi lê.

Do tính vốn dĩ Thanh tịnh. Tâm Bồ Đề chắc là chiếc cày sắc.

修治一切眾生田故。菩提心者則為那羅延箭。

Tu trì nhất thiết chúng sinh điền cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Na La Diên tiễn.

Do tu sửa ruộng của tất cả chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là mũi tên Kim cương không hỏng.

悉能鑿徹身見鎧故。菩提心者則為厭離。

Tất năng giám triệt thân kiến khải cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi yếm ly.

Do đều có thể xuyên qua áo giáp thấy bản thân. Tâm Bồ Đề chắc là rời chán ghét.

決定了知苦患相故。菩提心者則為利稍。

Quyết định liễu tri khổ hoạn tướng cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi lợi sáo.

Do quyết định biết rõ hình tướng của khổ bệnh tật. Tâm Bồ Đề chắc là giáo dài nhọn.

能刺一切煩惱賊故。菩提心者則為甘露雨。

Năng thứ nhất thiết Phiền não tặc cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Cam lộ vũ.

Do có thể châm chích tất cả giặc Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là mưa Cam lộ.

能滅一切煩惱火故。菩提心者則為利劍。

Năng diệt nhất thiết Phiền não hỏa cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi lợi kiếm.

Do có thể diệt mất tất cả lửa Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là kiếm sắc.

斬除一切煩惱惡故。菩提心者則為金椎。

Trảm trừ nhất thiết Phiền não ác cố. Bồ Đề tâm giả tác vi kim chùy.

Do chém bỏ tất cả ác Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là chùy bằng vàng.

壞散一切憍慢山故。菩提心者則為利刀。

Hoại tán nhất thiết kiêu mạn sơn cố. Bồ Đề tâm giả tác vi lợi đao.

Do tan hỏng tất cả núi kiêu mạn. Tâm Bồ Đề chắc là đao sắc.

斬截七使煩惱鎧故。菩提心者則為勇健幢。

Trảm tiệt thất sử Phiền não khải cố. Bồ Đề tâm giả tác vi dũng kiện tràng.

Do chém đứt 7 áo giáp Phiền não sai khiến. Tâm Bồ Đề chắc là cờ dũng mạnh.

傾倒一切諸魔幢故。菩提心者則為鉞斧。

Khuynh đảo nhất thiết chư Ma tràng cố. Bồ Đề tâm giả tác vi cân phủ.

Do khuynh đảo tất cả cờ của các Ma. Tâm Bồ Đề chắc là búa rìu.

斫伐無知諸苦樹故。菩提心者則為器仗。

Chước phạt vô tri chư khổ thụ cố. Bồ Đề tâm giả tác vi khí trượng.

Do chém phạt các cây khổ không biết. Tâm Bồ Đề chắc là vũ khí.

防護一切諸艱難故。菩提心者則為善手。

Phòng hộ nhất thiết chư gian nan cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thiện thủ.

Do phòng hộ tất cả các gian nan. Tâm Bồ Đề chắc là tay thiện.

防護一切諸度身故。菩提心者則為妙足。

Phòng hộ nhất thiết chư độ thân cố. Bồ Đề tâm giả tác vi diệu túc.

Do phòng hộ tất cả các thân độ thoát. Tâm Bồ Đề chắc là chân đẹp.

安立一切諸功德故。菩提心者則為眼藥。

An lập nhất thiết chư công Đức cố. Bồ Đề tâm giả tác vi nhãn dược.

Do yên dựng tất cả các công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là thuốc chữa mắt.

除滅一切無明瞋故。菩提心者則為善拔刺。

Trừ diệt nhất thiết Vô minh ế cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thiện bạt thứ.

Do trừ diệt tất cả Ngu tối đen tối. Tâm Bồ Đề chắc là chiếc kim châm thiện.

悉能拔出身見刺故。菩提心者則為安隱床。

Tất năng bạt xuất thân kiến thứ cố. Bồ Đề tâm giả tác vi an ổn sàng.

Do đều có thể rút ra kim châm thấy bản thân. Tâm Bồ Đề chắc là giường nằm yên ổn.

除滅一切生死苦床故。菩提心者則為善友。

Trừ diệt nhất thiết sinh tử khổ sàng cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi thiện hữu.

Do trừ diệt tất cả giường nằm sinh chết. Tâm Bồ Đề chắc là bạn thiện.

度脫無量生死難故。菩提心者則為善利。

Độ thoát vô lượng sinh tử nạn cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi thiện lợi.

Do độ thoát vô lượng nạn sinh chết. Tâm Bồ Đề chắc là lợi ích thiện

遠離一切衰耗法故。菩提心者則為天人師。

Viễn ly nhất thiết suy hao Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Thiên nhân Sư.

Do rời xa tất cả Pháp suy hao. Tâm Bồ Đề chắc là Thầy người Trời.

善知菩薩出要道故。菩提心者則為寶藏。

Thiện tri Bồ Tát xuất yếu Đạo cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi bảo tạng.

Do hay biết sinh ra Đạo cốt yếu của Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là tạng báu.

無量功德不可盡故。菩提心者則為涌泉。

Vô lượng công Đức bất khả tận cố. Bồ Đề tâm giả tác vi dũng tuyến.

Do vô lượng công Đức không thể hết. Tâm Bồ Đề chắc là giếng phun nước.

清冷智慧無窮盡故。菩提心者則為淨鏡。

Thanh lãnh Trí tuệ vô cùng tận cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tịnh kính.

Do Trí tuệ sạch mát lạnh không tận cùng. Tâm Bồ Đề chắc là gương sạch.

顯現一切諸法門故。菩提心者則為淨池。

Hiển hiện nhất thiết chư Pháp môn cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tịnh trì.

Do hiện ra rõ tất cả các môn Pháp. Tâm Bồ Đề chắc là ao Thanh tịnh.

洗濯一切諸垢穢故。菩提心者則為大河流。

Tẩy trạc nhất thiết chư cấu uế cố. Bồ Đề tâm giả tác vi đại hà lưu.

Do rửa sạch tất cả các cấu bẩn. Tâm Bồ Đề chắc là giòng sông lớn.

引諸度四攝法故。菩提心者則為龍王。

Dẫn chư Độ tứ nhiếp Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Long vương.

Do 4 Pháp hút lấy dẫn dắt các Pháp tới Niết Bàn. Tâm Bồ Đề chắc là Vua Rồng.

悉能普雨甘露法故。菩提心者則為命根。

Tất năng phổ vũ Cam lộ Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi mệnh Căn.

Do đều có thể tưới xuống Pháp Cam lộ. Tâm Bồ Đề chắc là gốc sinh mệnh.

任持菩薩大悲法故。菩提心者則為甘露。

Nhậm trì Bồ Tát Đại Bi Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Cam lộ.

Do gánh giữ Pháp Đại Bi của Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là Cam lộ.

能令安住不死法故。菩提心者則為羅網。

Năng linh an trụ bất tử Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi la võng.

Do có thể giúp cho yên ở Pháp không chết. Tâm Bồ Đề chắc là lưới võng.

網取一切所應化故。菩提心者則為善網。

Võng thủ nhất thiết sở ưng hóa cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi thiện quuyến.

Do lưới giữ lấy tất cả do cần hóa ra. Tâm Bồ Đề chắc là nhìn thiện cảm.

攝取一切諸眾生故。菩提心者則為鉤餌。

Nhiếp thủ nhất thiết chư chúng sinh cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi câu nhị.

Do hút lấy lấy tất cả các chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là mỗi câu.

釣出生死淵居眾生故。菩提心者則為阿伽陀藥。

Điều xuất sinh tử uyên cư chúng sinh cố. Bồ Đề tâm giả tác vi A già đà dược.

Do câu chúng sinh ở trong vực sinh chết ra ngoài.

Tâm Bồ Đề chắc là thuốc A già đà.

除滅一切諸惡患故。菩提心者則為波羅提毘叉藥。

Trừ diệt nhất thiết chư ác hoạn cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Ba la đề Tì xoa dược.

Do trừ diệt tất cả các nạn ác. Tâm Bồ Đề chắc là thuốc Ba la đề Tì xoa.

悉能療治五欲毒故。菩提心者則為大地。

Tất năng liệu trị ngũ Dục độc cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Đại địa.

Do đều có thể chữa trị độc của 5 Tham muốn. Tâm Bồ Đề chắc là Đất lớn.

消滅無量邪想水故。菩提心者則為風輪。

Tiêu diệt vô lượng tà tưởng thủy cố. Bồ Đề tâm giả tác vi phong luân.

Do cạn mất vô lượng nước nhớ sai. Tâm Bồ Đề chắc là vàng gió.

壞散一切諸障蓋故。菩提心者則為寶洲。

Hoại tán nhất thiết chư chương cái cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi bảo châu.

Do tan hỏng tất cả các vòng chương ngại. Tâm Bồ Đề chắc là bảo châu.

出生道品功德寶故。菩提心者則為種性。

Xuất sinh Đạo phẩm công Đức bảo cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi chủng tính.

Do sinh ra công Đức báu của phẩm Đạo. Tâm Bồ Đề chắc là tính loại.

長養一切白淨法故。菩提心者則為居宅。

Trưởng dưỡng nhất thiết bạch tịnh Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi cư trạch.

Do nuôi lớn tất cả Pháp sáng sạch. Tâm Bồ Đề chắc là nhà ở.

納受一切功德寶故。菩提心者則為大城。

Nạp thụ nhất thiết công Đức bảo cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi đại thành.

Do thu nhận tất cả công Đức báu. Tâm Bồ Đề chắc là thành lớn.

菩薩商人所住處故。菩提心者則為金藥。

Bồ Tát thương nhân sở trụ xứ cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi kim dược.

Do Bồ Tát ở nơi ở của người buôn. Tâm Bồ Đề chắc là thuốc vàng.

消煩惱垢令清淨故。菩提心者則為香蜜。

Tiêu Phiền não cấu linh Thanh tịnh cố. Bồ Đề tâm giả tác vi hương mật.

Do tiêu tan bản Phiền não giúp cho Thanh tịnh. Tâm Bồ Đề chắc là mật thơm.

具足一切功德味故。菩提心者則為正道。

Cụ túc nhất thiết công Đức vị cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Chính đạo.

Do đầy đủ tất cả mùi vị công Đức. Tâm Bồ Đề chắc là Đạo đúng.

令入一切智城故。菩提心者則為寶器。

Linh nhập Nhất thiết Trí thành cố. Bồ Đề tâm giả tác vi bảo khí.

Do giúp cho nhập vào thành trì của Tất cả Trí tuệ. Tâm Bồ Đề chắc là đồ quý.

容受一切白淨法故。菩提心者則為時澤。

Dung thụ nhất thiết bạch tịnh Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi thời trạch.

Do thu nhận tất cả Pháp sáng sạch. Tâm Bồ Đề chắc là thấm nhuận theo thời.

悉能除滅煩惱塵故。菩提心者則為安住。

Tất năng trừ diệt Phiền não trần cố. Bồ Đề tâm giả tác vi an trụ.

Do đều có thể trừ diệt bụi Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là yên ở.

出生菩薩之所住故。菩提心者則為壽行。

Xuất sinh Bồ Tát chi sở trụ cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi thọ hạnh.

Do sinh ra dừng ở của Bồ Tát. Tâm Bồ Đề chắc là hạnh thọ.

不取聲聞諸解脫故。菩提心者則為瑠璃寶。

Bất thủ Thanh Văn chư Giải thoát cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi lưu ly bảo.

Do không cầm lấy các Giải thoát của Thanh Văn. Tâm Bồ Đề chắc là lưu ly báu.

其性淨妙不受垢故。菩提心者則為伊尼羅寶。

Kỳ tính tịnh diệu bất thụ cấu cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Y ni la bảo.

Do tính họ sạch đẹp không nhận cấu bẩn. Tâm Bồ Đề chắc là Y ni la báu.

勝諸聲聞,緣覺智故。菩提心者則為法鼓。

Thắng chư Thanh Văn Duyên Giác Trí cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Pháp cố.

Do vượt hơn các Trí tuệ Thanh Văn Duyên Giác. Tâm Bồ Đề chắc là trống Pháp.

覺悟煩惱長寢眾生故。菩提心者則為淨水。

Giác ngộ Phiền não trường tầm chúng sinh cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi tịnh thủy.

Do giác ngộ chúng sinh ngủ lâu dài Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là nước sạch.

其性清淨無垢濁故。菩提心者則為閻浮檀金。

Kỳ tính Thanh tịnh vô cấu trọc cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi Diêm phù đàn kim.

Do tính nó Thanh tịnh không đục bẩn. Tâm Bồ Đề chắc là vàng Diêm phù đàn.

令有為善如聚墨故。菩提心者則為山王。

Linh Hữu vi thiện như tụ mặc cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi sơn vương.

Do giúp cho Có hình tướng dễ như bôi mực. Tâm Bồ Đề chắc là núi lớn nhất.

超出一切諸世間故。菩提心者則為歸依。

Siêu xuất nhất thiết chư Thế gian cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi quy y.

Do vượt ra ngoài tất cả các Thế gian. Tâm Bồ Đề chắc là trở về nương theo.

悉能救護諸眾生故。菩提心者則為實義。

Tất năng cứu hộ chư chúng sinh cố. Bồ Đề tâm giả tắc vi thực nghĩa.

Do đều có thể cứu giúp các chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là nghĩa chân thực.

遠離一切虛妄法故。菩提心者則爲無上寶。

Viễn ly nhất thiết hư vọng Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Vô thượng bảo.

Do rời xa tất cả Pháp ảo vọng. Tâm Bồ Đề chắc là Bình Đẳng quý báu.

悉令歡喜得滿足故。菩提心者則爲大會。

Tất linh hoan hỷ đắc mãn túc cố. Bồ Đề tâm giả tác vi đại hội.

Do đều giúp cho được đầy đủ vui mừng. Tâm Bồ Đề chắc là hội lớn.

隨彼所須令充悅故。菩提心者則爲尊長。

Tùy bỉ sở tu linh sung duyệt cố. Bồ Đề tâm giả tác vi tôn trưởng.

Do thuận theo tu hành của họ giúp cho đầy đủ vui sướng. Tâm Bồ Đề chắc là người trên.

於諸眾生無倫匹故。菩提心者則爲寶藏。

Ư chư chúng sinh vô luân thất cố. Bồ Đề tâm giả tác vi bảo tạng.

Do với các chúng sinh không thể coi thường. Tâm Bồ Đề chắc là tạng báu.

受持一切諸佛法故。菩提心者則爲因陀羅網。

Thụ trì nhất thiết chư Phật Pháp cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Nhân Đà La võng.

Do nhận giữ tất cả các Pháp Phật. Tâm Bồ Đề chắc là lưới Đế Thích.

攝諸煩惱阿修羅故。菩提心者則為毘樓那風。

Nhiếp chư Phiền não A Tu La cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Tì lâu na phong.

Do hút lấy các A Tu La Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là gió Tì lâu na.

震動教化眾生心故。菩提心者則為因陀羅火。

Chấn động giáo hóa chúng sinh tâm cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Nhân Đà La hỏa.

Do chấn động giáo hóa tâm chúng sinh. Tâm Bồ Đề chắc là lửa Đế Thích.

焚燒一切煩惱習故。菩提心者則為無上塔。

Phản thiêu nhất thiết Phiền não tập cố. Bồ Đề tâm giả tác vi Vô thượng Tháp.

Do đốt thiêu tất cả thói quen Phiền não. Tâm Bồ Đề chắc là Tháp Bình Đẳng.

一切天人應供養故。佛子!

Nhất thiết Thiên nhân ứng cúng dưỡng cố. Phật Tử!

Do tất cả người Trời cần cúng dưỡng. Phật Tử!

菩提心者如是無量功德成就。

Bồ Đề tâm giả như thị vô lượng công Đức thành tựu.

Tâm Bồ Đề thành công vô lượng công Đức như thế.

悉與一切諸佛菩薩諸功德等。何以故?

Tất dữ nhất thiết chư Phật Bồ Tát chư công Đức
đẳng. Hà dĩ cố ?

Đều cùng bằng các công Đức của tất cả các Phật Bồ
Tát. Có là sao ?

因菩提心出生一切諸菩薩行。三世諸佛成正覺故。

Nhân Bồ Đề tâm xuất sinh nhất thiết chư Bồ Tát
hạnh. Tam thế chư Phật thành Chính Giác cố.

Nhân do tâm Bồ Đề sinh ra tất cả các hạnh Bồ Tát.
Cho nên các Phật Ba Đời thành Chính Giác.

善男子! 譬如有人得自在藥。離五恐怖。何等爲五?

Thiện nam tử ! Thí như hữu nhân đắc Tự tại dược. Ly
ngũ khủng bố. Hà đẳng vi ngũ ?

Người nam thiện ! Ví như có người được thuốc Tự
do. Rời 5 hoảng sợ. Thế nào là 5 ?

所謂火不能燒, 水不能漂, 毒不能中, 刀不能傷,
熏不能害。

Sở vi hỏa bất năng thiêu, thủy bất năng phiêu, độc
bất năng trung, đao bất năng thương, huân bất năng
hại.

Gọi là lửa không thể đốt, nước không thể cuốn trôi,
độc không thể ở bên trong, đao không thể tổn
thương, hun đốt không thể làm hại.

菩薩摩訶薩亦復如是。發菩提心攝薩婆若。離五恐
怖。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Phát Bồ Đề tâm
nhiếp Tát Bà Nhã. Ly ngũ khủng bố.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Phát tâm Bồ Đề
hút lấy Tất cả các loại Trí tuệ. Rời 5 hoảng sợ.

何等爲五? 所謂不爲欲火所燒。諸有流水所不能漂。

Hà đẳng vi ngũ? Sở vi bất vi dục hỏa sở thiêu. Chư
hữu lưu thủy sở bất năng phiêu.

Thế nào là 5? Gọi là không bị lửa tham muốn thiêu
đốt. Các giòng nước Có không thể cuốn trôi.

瞋恚惡毒所不能中。煩惱利刀所不能傷。

Sân khuể ác độc sở bất năng trung. Phiền não lợi đao
sở bất năng thương.

Thù giận độc ác không thể ở bên trong. Dao sắc
Phiền não không thể tổn thương.

邪覺觀煙熏不能害。善男子!

Tà giác quan yên huân bất năng hại. Thiện nam tử!

Khói lửa giác quan sai trái không thể làm hại. Người
nam thiện!

譬如有人得解脫藥。終不橫死。菩薩摩訶薩亦復如
是。

Thí như hữu nhân đắc Giải thoát dược. Chư bất
hoạnh tử. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ví như có người được thuốc Giải thoát. Rốt cuộc không chết ngang trái. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心妙智慧藥。生死過患所不能害。善男子！
Đắc Bồ Đề tâm diệu Trí tuệ được. Sinh tử quá hoạn sở bất năng hại. Thiện nam tử !

Được thuốc Trí tuệ vi diệu tâm Bồ Đề. Tội nạn sinh chết không thể làm hại. Người nam thiện !

譬如有人得龍王藥。若有毒蟲聞其藥氣。

Thí như hữu nhân đắc Long vương dược. Nhược hữu độc trùng văn kỳ dược khí.

Ví như có người được thuốc của Vua Rồng. Nếu có trùng độc ngửi mùi thuốc đó.

即避遠去。菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心大龍王藥。

Tắc tị viễn khứ. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị.
Đắc Bồ Đề tâm đại Long vương dược.

Chắc là tránh xa bỏ đi. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được thuốc của Vua Rồng lớn của tâm Bồ Đề.

一切煩惱諸惡毒蟲。聞其藥氣皆悉散滅。

Nhất thiết Phiền não chư ác độc trùng. Văn kỳ dược khí giai tất tán diệt.

Các trùng ác độc tất cả Phiền não. Ngửi mùi thuốc đó đều cùng tan mất.

善男子! 譬如有人得不可壞藥。一切怨敵不得其便。

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân đắc bất khả hoại dược. Nhất thiết oán địch bất đắc kỳ tiện.

Người nam thiện! Ví như có người được thuốc không thể phá hỏng. Tất cả oán địch không được Phương tiện đó.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心不壞法藥。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm bất hoại Pháp dược.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được thuốc Pháp không phá hỏng của tâm Bồ Đề.

一切煩惱諸魔怨敵所不能壞。善男子!

Nhất thiết Phiền não chư Ma oán địch sở bất năng hoại. Thiện nam tử!

Tất cả Phiền não các Ma oán địch không thể phá hỏng. Người nam thiện!

譬如有人得頻伽陀藥。能出毒刺。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như hữu nhân đắc Tần già đà dược. Năng xuất độc thứ. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ví như có người được thuốc Tần già đà. Có thể ra ngoài độc châm chích. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心頻伽陀藥。能出三毒諸邪見刺。善男子!

Đắc Bồ Đề tâm Tần già đà dược. Năng xuất Tam độc
chư tà kiến thứ. Thiện nam tử !

Được thuốc Tần già đà của tâm Bồ Đề. Có thể ra
ngoài ba Độc các sai trái châm chích. Người nam
thiện!

譬如有人得善見藥王。滅一切病。

Thí như hữu nhân đắc thiện kiến dược vương. Diệt
nhất thiết bệnh.

Ví như có người được thấy thuốc tốt nhất. Diệt mất
tất cả bệnh.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心善見藥王。

Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm
thiện kiến dược vương.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được thấy thuốc
tốt nhất của tâm Bồ Đề.

滅一切眾生諸煩惱病。善男子!

Diệt nhất thiết chúng sinh chư Phiền não bệnh. Thiện
nam tử !

Diệt mất các bệnh Phiền não của tất cả chúng sinh.

Người nam thiện !

譬如刪陀那大藥王樹。其有眾生在彼樹蔭。

Thí như San đà na đại dược vương thụ. Kỳ hữu chúng
sinh tại bỉ thụ ấm.

Ví như cây thuốc lớn nhất San đà na. Nếu có chúng sinh ở dưới bóng cây đó.

身諸惡瘡皆得除愈。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thân chư ác sang giai đắc trừ dữ. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị.

Các bệnh mụn nhọt ác của thân đều được nhanh khỏi. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心刪陀藥樹。其有眾生依蔭此樹。

Đắc Bồ Đề tâm San đà dược thụ. Kỳ hữu chúng sinh y âm thử thụ.

Được cây thuốc San đà na của tâm Bồ Đề. Nếu có chúng sinh dựa vào bóng cây này.

一切煩惱不善業瘡皆得除愈。善男子!

Nhất thiết Phiền não bất thiện Nghiệp sang giai đắc trừ dữ. Thiện nam tử!

Mụn nhọt của Nghiệp không thiện, tất cả Phiền não đều được trừ bỏ nhanh. Người nam thiện!

譬如藥王樹名無壞根。以其力故。長養一切閻浮提樹。

Thí như dược vương thụ danh vô hoại căn. Dĩ kỳ lực cố trưởng dưỡng nhất thiết Diêm Phù Đề thụ.

Ví như cây thuốc lớn tên là không hỏng gốc. Do dùng lực của nó nuôi lớn tất cả cây Diêm phù đề.

菩提心樹亦復如是。以其力故長養一切學，
無學菩薩善根。

Bồ Đề tâm thụ diệp phục như thị. Dĩ kỳ lực cố trưởng
dưỡng nhất thiết Học, Vô học Bồ Tát thiện Căn.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Do dùng lực đó
nuôi lớn Căn thiện của tất cả Thanh Văn, A La Hán
Duyên Giác Bồ Tát.

善男子! 譬如藥草名阿藍婆。若用塗體身得柔澤。

Thiện nam tử! Thí như dược thảo, danh A lam bà.

Nhược dụng đồ thể thân đắc nhu trạch.

Người nam thiện! Ví như cỏ thuốc tên là A lam bà.

Nếu dùng bôi lên thân thể được mềm mại sáng bóng.

意離諸惡。菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心阿藍婆
藥。

Ý ly chư ác. Bồ Tát Ma ha tát diệp phục như thị. Đắc
Bồ Đề tâm A lam bà dược.

Ý rời xa các ác. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

Được thuốc A lam bà của tâm Bồ Đề.

長身, 口, 意諸善行業。善男子!

Trưởng Thân khẩu ý chư thiện hạnh Nghiệp. Thiện
nam tử!

Tăng trưởng các Nghiệp hạnh thiện của Thân miệng
ý. Người nam thiện!

譬如有人得念力藥。有所聞法終不忘失。

Thí như hữu nhân đắc Niệm lực dược. Hữu sở văn Pháp chung bất vong thất.

Ví như có người được thuốc của lực Nhớ. Nếu nghe được Pháp cuối cùng không quên mất.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心念力藥者。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm Niệm lực dược giả.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được thuốc lực Nhớ của tâm Bồ Đề.

聞持一切佛法不忘。善男子! 譬如有藥名曰蓮華。

Văn trì nhất thiết Phật Pháp bất vong. Thiện nam tử! Thí như hữu dược danh viết Liên hoa.

Nghe giữ tất cả Pháp Phật không quên. Người nam thiện! Ví như có thuốc tên là Hoa Sen.

其有服者住壽一劫。菩薩摩訶薩亦復如是。

Kỳ hữu phục giả trụ thọ nhất Kiếp. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Nếu có người uống, thọ mệnh dừng ở một Kiếp. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

服菩提心蓮華藥者。阿僧祇劫而得自在。善男子!

Phục Bồ Đề tâm Liên hoa dược giả. A tăng kì Kiếp nhi đắc Tự tại. Thiện nam tử!

Người uống thuốc Hoa Sen của tâm Bồ Đề. Mà được Tự do A tăng kì Kiếp. Người nam thiện!

譬如有人執翳身藥。一切眾生所不能見。

Thí như hữu nhân chấp ế thân dược. Nhất thiết chúng sinh sở bất năng kiến.

Ví như có người cầm lấy thuốc che lấp thân. Tất cả chúng sinh do không thể thấy.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心翳身藥者。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm ế thân dược giả.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được thuốc che lấp thân của tâm Bồ Đề.

一切諸魔所不能見。善男子! 譬如大海有摩尼寶。

Nhất thiết chư Ma sở bất năng kiến. Thiện nam tử! Thí như đại hải hữu Ma ni bảo.

Tất cả các Ma do không thể thấy. Người nam thiện! Ví như biển lớn có Như ý báu.

名積眾寶。若不至他方設火災起。

Danh Tích chúng bảo. Nhược bất chí tha phương thiết hỏa tai khởi.

Tên là Tích chứa các báu. Nếu không tới phương khác, nếu tai ách lửa phát ra.

乃至消滅海水一滄, 無有是處。菩提之心積眾寶珠。

Nãi chí tiêu giảm hải thủy nhất đế, vô hữu thị xứ. Bồ Đề chí tâm Tích chúng bảo châu.

Thậm chí tan giảm một giọt nước biển, không có nơi đó. Châu Tích chứa các báu của tâm Bồ Đề.

亦復如是。處於菩薩直心海中。

Diệp phục như thị. Xử ư Bồ Tát trực tâm hải trung. Cũng lại như thế. Ở trong biển tâm ngay thẳng của Bồ Tát.

乃至以一善根迴向薩婆若。有忘失者無有是處。

Nãi chí dĩ nhất thiện Căn hồi hướng Tát Bà Nhã. Hữu vong thất giả vô hữu thị xứ.

Thậm chí dùng một Căn thiện hồi hướng về Tất cả các loại Trí tuệ. Có việc quên mất, không có nơi đó.

而薩婆若無所染著, 不離善根。善男子!

Nhi Tát Bà Nhã vô sở nhiễm trước, bất ly thiện Căn. Thiện nam tử!

Mà không nhiễm nương nhờ Tất cả các loại Trí tuệ, không rời Căn thiện! Người nam thiện!

譬如摩尼名淨光明。有人以此瓔珞身者。

Thí như Ma ni danh Tịnh quang minh. Hữu nhân dĩ thử anh lạc thân giả.

Ví như ngọc Như ý tên là Quang sáng sạch. Có người dùng bản thân của chuỗi ngọc này.

蔽餘寶光悉如聚墨。菩薩摩訶薩亦復如是。

Tế dư bảo quang tất như tụ mặc. Bồ Tát Ma ha tát diệp phục như thị.

Che ánh quang của vật báu khác đều như bôi mực. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

以菩提心摩尼寶珠瓔珞其身。映蔽聲聞，緣覺心寶。
Dĩ Bồ Đề tâm Ma ni bảo châu anh lạc kỳ thân. Ánh tể Thanh Văn, Duyên Giác tâm bảo.

Do bản thân của chuỗi ngọc quý Như ý của tâm Bồ Đề. Ánh sáng che lấp tâm báu của Thanh Văn Duyên Giác.

善男子! 譬如水珠置濁水中。水即澄清。

Thiện nam tử! Thí như thủy châu trí trọc thủy trung. Thủy tức trừng thanh.

Người nam thiện! Ví như châu lọc nước đặt ở trong nước đục. Nước tức thời trong sạch.

菩提心珠亦復如是。除滅一切煩惱垢濁。善男子!

Bồ Đề tâm châu diệc phục như thị. Trừ diệt nhất thiết Phiền não cấu trọc. Thiện nam tử!

Châu tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Trừ diệt tất cả đục bản Phiền não. Người nam thiện!

譬如有人得住水寶珠。瓔珞其身入深水中而不沒溺

。

Thí như hữu nhân đắc trụ thủy bảo châu. Anh lạc kỳ thân nhập thâm thủy trung nhi bất một nịch.

Ví như có người được châu báu lọc nước. Bản thân của chuỗi ngọc nhập vào trong nước mà không chìm nổi.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心住水寶珠。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm trụ thủy bảo châu.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được châu báu lọc nước của tâm Bồ Đề.

入生死海而不沈沒。善男子! 譬如有人得大龍寶珠。

Nhập sinh tử hải nhi bất trầm một. Thiện nam tử! Thí như hữu nhân đắc đại Long bảo châu.

Nhập vào biển sinh chết mà không chìm nổi. Người nam thiện! Ví như có người được châu báu của Rồng lớn.

往到龍所。龍不爲害。菩薩摩訶薩亦復如是。

Vãng đáo Long sở. Long bất vi hại. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Đi tới nơi ở của Rồng. Rồng không làm hại. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心大龍寶珠。入欲界中煩惱惡龍所不能害。

Đắc Bồ Đề tâm đại Long bảo châu. Nhập Dục giới trung Phiền não ác Long sở bất năng hại.

Được châu báu của Rồng lớn của tâm Bồ Đề. Nhập vào trong Cõi Dục nơi ở của Rồng ác Phiền não không thể làm hại.

善男子! 譬如帝釋有摩尼寶。瓔珞其身於天中尊。

Thiện nam tử! Thí như Đế Thích hữu Ma ni bảo. Anh lạc kỳ thân ư Thiên trung tôn.

Người nam thiện! Ví như Đế Thích có Như ý báu. Do bản thân chuỗi ngọc tôn quý ở trên Trời.

菩薩摩訶薩亦復如是。著菩提心寶瓔珞者。

Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị. Trước Bồ Đề tâm bảo anh lạc giả.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Nương nhờ chuỗi ngọc quý của tâm Bồ Đề.

悉於一切三界中尊。善男子! 譬如有人得隨意珠。

Tất ư nhất thiết Tam giới trung tôn. Thiện nam tử!

Thí như hữu nhân đắc Tùy ý châu.

Đều tôn quý ở trong tất cả Ba Cõi. Người nam thiện!

Ví như có người được châu Tùy ý.

除滅一切貧窮困苦。菩薩摩訶薩亦復如是。

Trừ diệt nhất thiết bần cùng khốn khổ. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị.

Trừ diệt tất các bần cùng khốn khổ. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心隨意寶珠。除滅一切邪命貧苦。善男子!

Đắc Bồ Đề tâm Tùy ý bảo châu. Trừ diệt nhất thiết tà
mệnh bản khổ. Thiện nam tử !

Được châu báu Tùy ý của tâm Bồ Đề. Trừ diệt tất cả
mệnh sai nghèo khổ. Người nam thiện !

譬如火珠因日光發。能出猛焰。

Thí như hỏa châu nhân Nhật quang phát. Năng xuất
mãnh diệm.

Ví như viên lửa nhân do ánh Dương phát ra. Có thể
sinh ra ánh lửa mạnh.

得菩提心明淨火珠亦復如是。因大慧光所感發故。

Đắc Bồ Đề tâm minh tịnh hỏa châu diệc phục như thị.
Nhân đại Tuệ quang sở cảm phát cố.

Được viên lửa sáng sạch của tâm Bồ Đề cũng lại như
thế. Nhân do ánh quang Tuệ lớn cảm động phát ra.

出智慧火。善男子! 譬如月珠因月光發出清涼水。

Xuất Trí tuệ hỏa. Thiện nam tử ! Thí như Nguyệt châu
nhân Nguyệt quang phát xuất thanh lương thủy.

Sinh ra lửa Trí tuệ. Người nam thiện ! Ví như châu
vàng Trăng nhân do ánh Trăng phát sinh ra nước
sạch mát.

得菩提心淨月寶珠亦復如是。因彼迴向善根。

Đắc Bồ Đề tâm tịnh Nguyệt bảo châu diệc phục như
thị. Nhân bỉ hồi hướng thiện Căn.

Được châu báu vầng Trăng Thanh tịnh của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Do người đó hồi hướng Căn thiện.

月光所感發已。出生善根諸大願水。善男子!

Nguyệt quang sở cảm phát dĩ. Xuất sinh thiện Căn chư đại nguyện thủy. Thiện nam tử!

Ánh Trăng cảm động phát ra xong. Sinh ra các nước các nguyện lớn của Căn thiện. Người nam thiện!

譬如龍王著如意寶冠,

遠離恐怖。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như Long vương trước Như ý bảo quan, viễn ly khủng bố. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ví như Vua Rồng đội mũ báu Như ý, rời xa hoảng sợ.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

著菩提心大悲如意寶冠。遠離一切惡道諸難。善男子!

Trước Bồ Đề tâm Đại Bi Như ý bảo quan. Viễn ly nhất thiết ác Đạo chư nạn. Thiện nam tử!

Đội mũ báu Như ý Đại Bi của tâm Bồ Đề. Rời xa các nạn của tất cả Đạo ác. Người nam thiện!

譬如莊嚴一切眾生藏摩尼寶。

Thí như trang nghiêm nhất thiết chúng sinh tạng Ma ni bảo.

Ví như trang nghiêm tạng Như ý báu của tất cả chúng sinh.

悉能成滿一切所願。無所損減。得菩提心。

Tất năng thành mãn nhất thiết sở nguyện. Vô sở tổn giảm đắc Bồ Đề tâm.

Đều có thể được đầy đủ tất cả cầu nguyện. Không bị tổn giảm được tâm Bồ Đề.

妙莊嚴藏摩尼寶者成滿菩薩及餘眾生所欲願樂。

Diệu trang nghiêm tạng Ma ni bảo giả thành mãn Bồ Tát cập dư chúng sinh sở dục nguyện lạc.

Như ý báu tạng vi diệu trang nghiêm được đầy đủ nguyện vui tham muốn của Bồ Tát và chúng sinh khác.

無所損減。善男子! 譬如轉輪王有摩尼寶。

Vô sở tổn giảm. Thiện nam tử ! Thí như Chuyển luân Vương hữu Ma ni bảo.

Không bị tổn giảm. Người nam thiện ! Ví như Vua Chuyển luân có Như ý báu.

普照宮殿滅一切闇。菩薩摩訶薩亦復如是。

Phổ chiếu cung điện diệt nhất thiết ám. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị.

Chiếu sáng khắp cung điện trừ bỏ tất cả đen tối. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心摩尼寶者。悉能普照五趣宮殿。滅一切闇

。

Đắc Bồ Đề tâm Ma ni bảo giá. Tất năng phổ chiếu ngũ thú cung điện, diệt nhất thiết ám.

Được Như ý báu của tâm Bồ Đề. Đều có thể chiếu sáng khắp cung điện của 5 hướng tới, diệt mất tất cả đen tối.

善男子! 譬如有人爲紺色寶光明所觸。即同其色。

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân vi cảm sắc bảo Quang minh sở xúc. Tức đồng kỳ sắc.

Người nam thiện! Ví như có người được tiếp xúc Quang sáng của báu vật sắc tía. Tức thời đều cùng một màu sắc đó.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心紺色寶光。觀察諸法。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm cảm sắc bảo quang. Quan sát chư Pháp.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được ánh quang sắc tía báu của tâm Bồ Đề. Quan sát các Pháp.

善根迴向。同薩婆若色。善男子!

Thiện Căn hồi hướng. Đồng Tát Bà Nhã sắc. Thiện nam tử!

Hồi hướng Căn thiện. Cùng một màu sắc Tất cả các loại Trí tuệ. Người nam thiện!

如瑠璃寶於百千歲處不淨中。不爲所染。

Như lưu ly bảo ư bách thiên tuế xử bất tịnh trung, bất vi sở nhiễm.

Như lưu ly báu với trăm nghìn năm ở trong nơi không sạch, không bị nhiễm ố.

菩提之心淨瑠璃寶亦復如是。於百千劫住欲界中。

Bồ Đề chi tâm tịnh lưu ly bảo diệc phục như thị. Ư bách thiên Kiếp trụ Dục giới trung.

Lưu ly báu Thanh tịnh của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Với trăm nghìn Kiếp dừng ở trong Cõi Dục.

不爲五欲之所染污。其性淨故。善男子!

Bất vi ngũ Dục chi sở nhiễm ô. Kỳ tính tịnh cố. Thiện nam tử!

Không bị 5 Tham muốn làm nhiễm ố. Do tính của nó Thanh tịnh. Người nam thiện!

如離垢光淨摩尼寶出一切寶。菩提之心離垢光寶亦復如是。

Như ly cầu quang tịnh Ma ni bảo xuất nhất thiết bảo.

Bồ Đề chi tâm ly cầu quang bảo diệc phục như thị.

Như Như ý báu Thanh tịnh ánh quang rời bản sinh ra tất cả báu vật. Ánh quang báu rời bản của tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

出生凡夫，聲聞，緣覺，菩薩，諸佛功德珍寶。善男子!

Xuất sinh phàm phu, Thanh Văn Duyên Giác, Bồ Tát chư Phật công Đức trân bảo. Thiện nam tử!

Sinh ra châu báu công Đức của các Phật Bồ Tát,
Thanh Văn Duyên Giác, người Phạm trần. Người nam
thiện !

譬如大摩尼寶悉能除滅一切諸闇。菩提心寶亦復如
是。

Thí như đại Ma ni bảo tất năng trừ diệt nhất thiết chư
ám. Bồ Đề tâm bảo diệt phục như thị.

Ví như Như ý báu lớn đều có thể trừ diệt tất cả các
đen tối. Tâm báu Bồ Đề cũng lại như thế.

除滅一切無知闇冥。善男子! 譬如大海有無價寶。

Trừ diệt nhất thiết vô tri ám minh. Thiện nam tử ! Thí
như đại hải hữu vô giá bảo.

Trừ diệt tất cả đen tối không biết. Người nam thiện !

Ví như biển lớn có báu vật vô giá.

商人船車載之入城。餘摩尼寶無與等者。

Thương nhân thuyền xa tải chi nhập thành. Dư Ma ni
bảo vô dĩ đẳng giá.

Xe thuyền của người buôn chuyển vào trong thành.

Như ý báu khác không thể sánh bằng.

菩提之心無價寶珠亦復如是。處生死海。

Bồ Đề chi tâm vô giá bảo châu diệt phục như thị. Xử
sinh tử hải.

Châu báu vô giá của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Ở
trong biển sinh chết.

Kinh Hoa Nghiêm

菩薩摩訶薩以大願船載入解脫城。

Bồ Tát Ma ha tát dĩ đại nguyện thuyền tải nhập Giải thoát thành.

Bồ Tát Bồ Tát lớn dùng thuyền nguyện lớn chuyển vào thành Giải thoát.

聲聞, 緣覺諸功德寶所不能及。善男子!

Thanh Văn Duyên Giác chư công Đức bảo sở bất năng cập. Thiện nam tử!

Các công Đức báu của Thanh Văn Duyên Giác không thể theo kịp. Người nam thiện!

譬如離垢大摩尼寶處閻浮提。能照四萬由旬日月宮殿。

Thí như ly cấu đại Ma ni bảo xứ Diêm Phù Đề. Năng chiếu tứ vạn Do tuần Nhật Nguyệt cung điện.

Ví như Như ý báu lớn rời bản ở Diêm Phù Đề. Có thể chiếu sáng cung điện mặt Trời mặt Trăng 8 trăm nghìn km.

皆悉顯現。

菩提之心離垢寶珠亦復如是。住於生死。

Giai tất hiển hiện. Bồ Đề chí tâm ly cấu bảo châu diệc phục như thị. Trụ ư sinh tử.

Hết thảy đều hiện ra rõ. Châu báu rời bản của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Dừng ở trong sinh chết.

照法界空, 佛境宮宅悉令顯現。善男子!

Chiếu Pháp giới không, Phật cảnh cung trạch tất linh hiển hiện. Thiện nam tử !

Chiếu sáng Cõi Pháp Rỗng, nhà ở cung điện cảnh giới của Phật đều giúp cho hiện ra rõ. Người nam thiện !

譬如摩尼風王。能持日月所照境界。

Thí như Ma ni phong vương. Năng trì Nhật Nguyệt sở chiếu cảnh giới.

Ví như gió lớn nhất của ngọc Ma ni. Có thể giữ cảnh giới chiếu sáng của mặt Trời mặt Trăng.

所有香華一切品類。菩提之心摩尼風王亦復如是。

Sở hữu hương hoa nhất thiết phẩm loại. Bồ Đề chí tâm Ma ni phong vương diệc phục như thị.

Tất cả phẩm loại của hết thảy hương hoa. Gió lớn nhất ngọc Như ý của tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

悉能攝持一切種智所照境界。

Tất năng nhiếp trì Nhất thiết chủng Trí sở chiếu cảnh giới.

Đều có thể hút giữ lấy cảnh giới chiếu sáng của Tất cả loại Trí tuệ.

一切天人聲聞，緣覺。諸佛菩薩及諸有漏，無漏善根。

Nhất thiết Thiên nhân Thanh Văn Duyên Giác, chư Phật Bồ Tát cập chư Hữu lậu, Vô lậu thiện Căn.

Căn thiện của tất cả người Trời, Thanh Văn Duyên Giác, các Phật Bồ Tát và các còn Phiền não, hết Phiền não.

善男子! 譬如海中有摩尼寶名曰海藏。

Thiện nam tử ! Thí như hải trung hữu Ma ni bảo, danh viết Hải tạng.

Người nam thiện ! Ví như trong biển có Như ý báu, tên là Tạng Biển.

顯現海中諸莊嚴事。菩提之心海藏寶珠亦復如是。

Hiển hiện hải trung chư trang nghiêm sự. Bồ Đề chi tâm Hải tạng bảo châu diệc phục như thị.

Hiện ra rõ các việc trang nghiêm ở trong biển. Châu báu Tạng biển của tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

顯現一切智境諸莊嚴事。善男子! 譬如閻浮檀金。

Hiển hiện Nhất thiết Trí cảnh chư trang nghiêm sự.

Thiện nam tử ! Thí như Diêm phù đàn kim.

Hiện ra rõ các việc trang nghiêm cảnh giới của Tất cả Trí tuệ. Người nam thiện ! Ví như vàng Diêm phù đàn.

除如意寶勝一切寶。菩提之心閻浮檀金亦復如是。

Trừ Như ý bảo thắng nhất thiết bảo. Bồ Đề chi tâm

Diêm phù đàn kim diệc phục như thị.

Ngoại trừ Như ý báu tốt hơn tất cả các vật báu. Vàng Diêm phù đàn của tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

除一切智勝諸功德。善男子! 譬如有人善能呪龍。

Trừ Nhất thiết Trí thắng chư công Đức. Thiện nam tử ! Thí như hữu nhân thiện năng chú Long.

Ngoại trừ các công Đức tốt hơn Tất cả Trí tuệ. Người nam thiện ! Ví như có người hay có thể gọi Rồng.

於諸龍中而得自在。菩薩摩訶薩亦復如是。

Ư chư Long trung nhi đắc Tự tại. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ở trong các Rồng mà được Tự do. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

得菩提心善呪術法。於一切煩惱龍而得自在。

Đắc Bồ Đề tâm thiện Chú thuật Pháp. Ư nhất thiết Phiền não Long nhi đắc Tự tại.

Được Pháp thiện chú thuật của tâm Bồ Đề. Với tất cả Rồng Phiền não mà được Tự do.

善男子! 譬如勇士被執鎧仗。一切怨敵所不能壞。

Thiện nam tử ! Thí như dũng sĩ bị chấp khải trượng.

Nhất thiết oán địch sở bất năng hoại.

Người nam thiện ! Ví như dũng sĩ mặc áo giáp cầm lấy gậy. Tất cả oán địch không thể phá hỏng.

菩薩摩訶薩亦復如是。被菩提心大莊嚴具。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Bị Bồ Đề tâm đại trang nghiêm cụ.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Mặc đồ dùng trang nghiêm lớn của tâm Bồ Đề.

一切煩惱諸魔怨敵所不能壞。善男子!

Nhất thiết Phiền não chư Ma oán địch sở bất năng hoại. Thiện nam tử!

Tất cả Phiền não các Ma oán địch không thể phá hỏng. Người nam thiện!

譬如憂陀伽娑羅栴檀。若燒一鉢香氣普熏小千世界。

Thí như Ưu đà già Sa la Chiên đàn. Nhược thiêu nhất thù hương khí phổ huân Tiểu thiên Thế giới.

Ví như Ưu đà già Sa la Chiên đàn. Nếu đốt một thù khí hương xông thơm khắp 1 nghìn Thế giới nhỏ.

三千大千世界珍寶所不能及。菩提心香亦復如是。

Tam thiên Đại thiên Thế giới trân bảo sở bất năng cập. Bồ Đề tâm hương diệc phục như thị.

Châu báu của Ba nghìn Đại thiên Thế giới không thể theo kịp. Hương tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

以妙功德普熏法界。一切聲聞,緣覺功德所不能及。

Dĩ diệu công Đức phổ huân Pháp giới. Nhất thiết

Thanh Văn Duyên Giác công Đức sở bất năng cập.

Do công Đức vi diệu xông thơm khắp Cõi Pháp. Tất cả công Đức của Thanh Văn Duyên Giác không thể theo kịp.

善男子! 譬如白栴檀以塗其身。除諸惱熱得清涼樂。

Thiện nam tử ! Thí như bạch Chiên đàn dĩ đồ kỳ thân.
Trừ chư não nhiệt đắc thanh lương lạc.

Người nam thiện ! Ví như Chiên đàn trắng dùng bôi
lên thân họ. Trừ bỏ các nóng Phiền não được vui
sướng sạch mát.

菩提心香亦復如是。除滅覺觀貪恚癡熱。

Bồ Đề tâm hương diệc phục như thị. Trừ diệt giác
quan Tham khuể si nhiệt.

Hương tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Trừ diệt nóng
Tham thù giận ngu si của giác quan.

令智慧身悉得涼樂。善男子! 譬如須彌山眾生品類。

Linh Trí tuệ thân tất đắc thanh lương lạc. Thiện nam tử ! Thí
như Tu Di sơn chúng sinh phẩm loại.

Giúp cho thân Trí tuệ đều được vui sướng mát.

Người nam thiện ! Ví như phẩm loại chúng sinh của
núi Tu Di.

近彼山者悉同其色。菩提心山亦復如是。

Cận bỉ sơn giả tất đồng kỳ sắc. Bồ Đề tâm sơn diệc
phục như thị.

Gần núi đó đều cùng một màu sắc này. Núi tâm Bồ Đề
cũng lại như thế.

若有近者皆得同彼薩婆若色。善男子!

Nhược hữu cận giả giai đắc đồng bỉ Tát Bà Nhã sắc.
Thiện nam tử !

Nếu có ở gần đều được cùng một màu sắc Tất cả các loại Trí tuệ đó. Người nam thiện !

譬如波利質多樹華香。閻浮提中諸婆師華，
薝蔔華等所不能及。

Thí như Ba lợi chất đa thụ hoa hương. Diêm Phù Đề trung chư Bà sư hoa Đắm bặc hoa đẳng sở bất năng cập.

Ví như hoa hương của cây Ba lợi chất đa. Ở trong Diêm Phù Đề các loại hoa Bà sư, hoa Đắm bặc không thể theo kịp.

菩提心香亦復如是。妙功德香聲聞，緣覺。

Bồ Đề tâm hương diệc phục như thị. Diệu công Đức hương Thanh Văn Duyên Giác.

Hương tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Thanh Văn Duyên Giác hương công Đức vi diệu.

無漏戒定智慧解脫，解脫知見所不能及。善男子！

Vô lậu Giới Định Trí tuệ Giải thoát, Giải thoát Tri kiến sở bất năng cập. Thiện nam tử !

Hết Phiền não, Giới Định Trí tuệ, Giải thoát, Giải thoát Thấy biết không thể theo kịp. Người nam thiện !

譬如波利質多樹華未開敷時。其香普熏閻浮提內。

Thí như Ba lợi chất đa thụ hoa vị khai phu thời. Kỳ hương phổ huân Diêm Phù Đề nội.

Ví như hoa cây Ba lợi chất đa khi chưa nở ra. Hương của nó xông thơm khắp bên trong Diêm Phù Đề.

一切華香所不能及。菩提心華亦復如是。

Nhất thiết hoa hương sở bất năng cập. Bồ Đề tâm hoa diệc phục như thị.

Tất cả hoa hương không thể theo kịp. Hoa tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

一切天人,有漏,無漏功德華香所不能及。善男子!

Nhất thiết Thiên nhân, Hữu lậu, Vô lậu công Đức hoa hương sở bất năng cập. Thiện nam tử!

Hương hoa công Đức của tất cả người Trời, Thanh Văn A La Hán không thể theo kịp. Người nam thiện!

譬如波利質多樹華一日熏衣。薝蔔華, 婆師華雖千歲熏所不能及。

Thí như Ba lợi chất đa thụ hoa nhất Nhật huân y. Đảm bặc hoa Bà sư hoa tuy thiên tuế huân sở bất năng cập.

Ví như hoa cây Ba lợi chất đa một ngày ướp thơm áo. Hoa Đảm bặc hoa Bà sư tuy nghìn năm ướp thơm không thể theo kịp.

菩提心華亦復如是。一日所熏功德,香徹十方佛所。

Bồ Đề tâm hoa diệc phục như thị. Nhất Nhật sở huân công Đức, hương triệt thập phương Phật sở.

Hoa tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Một ngày ướp hương công Đức, hương thấu suốt nơi ở của Phật 10 phương.

一切聲聞,

緣覺以無漏心熏諸功德。於百千劫所不能及。

Nhất thiết Thanh Văn, Duyên Giác dĩ Vô lậu tâm huân chư công Đức. Ư bách thiên Kiếp sở bất năng cập.

Tất cả Thanh Văn Duyên Giác, dùng tâm hết Phiền não ướp hương các công Đức. Với trăm nghìn Kiếp không thể theo kịp.

善男子!

譬如那利羅樹。根莖枝葉。及其華果。悉益眾生。

Thiện nam tử ! Thí như Na lợi la thụ, Căn hành chi diệp cập kỳ hoa quả, tất ích chúng sinh.

Người nam thiện ! Ví như gốc thân cành lá của cây Na lợi la và hoa quả của nó, đều ích lợi chúng sinh.

菩提心樹亦復如是。依因菩薩大慈悲生。

Bồ Đề tâm thụ diệp phục như thị. Y nhân Bồ Tát Đại Từ Bi sinh.

Cây tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Sinh ra dựa vào nhân do Đại Từ Bi của Bồ Tát.

從初發心乃至究竟一切佛法。常能饒益一切眾生。

Tòng sơ phát tâm nãi chí cứu cánh nhất thiết Phật Pháp. Thường năng nhiều ích nhất thiết chúng sinh.

Từ ban đầu phát tâm thậm chí thành quả tất cả Pháp Phật. Thường có thể lợi ích tất cả chúng sinh.

善男子!

譬如一兩阿羅娑藥變千兩銅。以爲真金於彼藥分。

Thiện nam tử ! Thí như nhất lượng A la sa dược biến thiên lượng đồng. Dĩ vi chân kim ư bỉ dược phần.

Người nam thiện ! Ví như 1 lượng thuốc A la sa biến hóa ra nghìn lượng đồng. Do dùng vàng 10 với phân thuốc đó.

無所損減。菩提心藥亦復如是。攝迴向智。

Vô sở tổn giảm. Bồ Đề tâm dược diệc phục như thị. Nhiếp hồi hướng Trí.

Không bị tổn giảm. Thuốc tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Hút lấy Trí tuệ hồi hướng.

除滅一切煩惱業障。淨一切法。同薩婆若色。

Trừ diệt nhất thiết Phiền não Nghiệp chướng. Tịnh nhất thiết Pháp. Đồng Tát Bà Nhã sắc.

Trừ diệt tất cả chướng Nghiệp Phiền não. Thanh tịnh tất cả Pháp. Đều cùng một màu sắc Tất cả các loại Trí tuệ.

煩惱惡業不能損減。

譬如小火隨所焚燒。其焰轉盛。

Phiền não ác Nghiệp bất năng tổn giảm. Thí như tiểu hỏa tùy sở phần thiêu. Kỳ diệm chuyển thịnh.

Nghiệp ác Phiền nao không thể tổn giảm. Ví như lửa nhỏ thuận theo thiêu đốt. Lửa đó chuyển thành mạnh.

菩提心火亦復如是。隨所緣法。慧火猛盛。

Bồ Đề tâm hỏa diệc phục như thị. Tùy sở Duyên Pháp, Tuệ hỏa mãnh thịnh.

Lửa tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Thuận theo Pháp Duyên, lửa Trí tuệ nổi mạnh.

譬如一燈然百千燈。無所損減。菩提心燈亦復如是

。

Thí như nhất đăng nhiên bách thiên đăng. Vô sở tổn giảm. Bồ Đề tâm đăng diệc phục như thị.

Ví như một đèn thấp sáng trăm nghìn đèn. Không bị tổn giảm. Đèn tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

悉然三世諸佛慧燈。無所損減。

譬如明燈入大闇室。

Tất nhiên Tam thế chư Phật tuệ đăng. Vô sở tổn giảm.

Thí như minh đăng nhập đại ám thất.

Đèn thấp sáng đèn Trí tuệ các Phật Ba Đời. Không bị tổn giảm. Ví như đèn sáng đem vào phòng tối lớn

悉能照除一切闇冥。菩提心燈亦復如是。入心闇室

。

Tất năng chiếu trừ nhất thiết ám minh. Bồ Đề tâm đăng diệc phục như thị. Nhập tâm ám thất.

Đều có thể chiếu sáng trừ bỏ tất cả đen tối. Đèn tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Tâm nhập vào phòng tối.

於無量劫積集癡闇，悉能除滅。具足菩薩明淨智慧。Ư vô lượng kiếp tích tập si ám, tất năng trừ diệt. Cụ túc Bồ Tát minh tịnh Trí tuệ.

Với vô lượng kiếp tích góp ngu tối, đều có thể trừ diệt. Trí tuệ sáng sạch của Bồ Tát đầy đủ.

譬如燈炷隨其精麤。光明亦爾。若益膏油光明轉增。

Thí như đặng chú tùy kỳ tinh thô. Quang minh diệt nhĩ. Nhược Ích cao du Quang minh chuyển tăng.

Ví như bắc đèn tùy theo tinh thô của nó. Quang sáng cũng thế. Nếu Quang sáng của dầu Ích cao chuyển tăng lên.

菩提心炷亦復如是。隨其本願出智慧光，普照法界。Bồ Đề tâm chú diệt phục như thị. Tùy kỳ bản nguyện xuất Trí tuệ quang, phổ chiếu Pháp giới.

Bắc tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Tùy theo nguyện trước kia của nó sinh ra ánh sáng Trí tuệ, chiếu sáng khắp Cõi Pháp.

增大悲油教化眾生。淨佛世界，行諸佛事，無有窮盡。

Tăng Đại Bi du giáo hóa chúng sinh. Tịnh Phật Thế giới, hành chư Phật sự, vô hữu cùng tận.

Dầu Đại Bi tăng lên giáo hóa chúng sinh. Thanh tịnh Thế giới Phật, thực hành việc Phật, không có tận cùng.

譬如他化自在天王。冠閻浮檀金自然天冠。

Thí như Tha Hóa Tự Tại Thiên vương quan Diêm phù đàn kim tự nhiên Thiên quan.

Ví như Vua Trời Tha Hóa Tự Tại đội mũ Trời vàng tự nhiên Diêm phù đàn.

欲界諸天所不能壞。菩薩摩訶薩亦復如是。

Dục giới chư Thiên sở bất năng hoại. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị.

Các Trời Cõi Dục không thể phá hỏng. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

冠菩提心大願天冠。聲聞，緣覺所不能壞。

Quán Bồ Đề tâm đại nguyện Thiên quan. Thanh Văn Duyên Giác sở bất năng hoại.

Đội mũ Trời nguyện lớn của tâm Bồ Đề. Thanh Văn Duyên Giác không thể phá hỏng.

譬如大師子吼，小師子聞，

皆悉勇健。一切禽獸遠避竄伏。

Thí như đại Sư Tử hống, tiểu Sư Tử văn, giai tất dũng kiện. Nhất thiết cầm thú viễn tị thoán phục.

Ví như Sư Tử lớn gầm, Sư Tử nhỏ nghe, đều cùng dũng mạnh. Tất cả chim thú tránh xa chạy trốn.

佛師子吼，諸菩薩等若聞，
讚歎菩提心聲。長養法身。

Phật Sư Tử hống, chư Bồ Tát đẳng nhược văn, tán
thán Bồ Đề tâm thanh. Trưởng dưỡng Pháp thân.

Sư Tử của Phật gầm, các bậc Bồ Tát nếu nghe, ca
ngợi âm thanh tâm Bồ Đề. Nuôi lớn Thân Pháp.

妄見眾生潛伏退散。譬如有人用師子筋以為琴絃。
Vọng kiến chúng sinh tiềm phục thoái tán. Thí như
hữu nhân dụng Sư Tử cân dĩ vi cầm huyền.

Ảo thấy chúng sinh lẩn trốn lui tan. Ví như có người
sử dụng gân Sư Tử dùng làm dây đàn cầm.

音聲既奏，餘絃斷絕。一切如來波羅蜜身。

Âm thanh ký tấu, dư huyền đoạn tuyệt. Nhất thiết
Như Lai Ba La Mật thân.

Âm thanh đã tấu lên, dây khác đứt đoạn. Tất cả thân
Pháp tới Niết Bàn của Như Lai.

出菩提心功德音聲。若樂五欲二乘法者聞悉斷滅。

Xuất Bồ Đề tâm công Đức âm thanh. Nhược lạc ngũ
Dục, Nhị thừa Pháp giả văn tất đoạn diệt.

Sinh ra âm thanh công Đức của tâm Bồ Đề. Nếu vui 5
Tham muốn, Pháp bậc Duyên Giác nghe đều đứt mất.

譬如牛，馬，

羊乳合在一器。以師子乳投彼器中餘乳消盡。

Thí như ngưu mã dương nhũ hợp tại nhất khí. Dĩ Sư Tử nhũ đầu bỉ khí trung dư nhũ tiêu tận.

Ví như sữa dê ngựa bò hợp lại ở trong một đồ đựng. Dùng sữa Sư Tử đổ vào trong đồ đựng đó, các sữa khác tan hết.

直過無礙。如來師子菩提心乳。著無量劫所積諸業煩惱乳中。

Trực quá vô ngại. Như Lai Sư Tử Bồ Đề tâm nhũ. Trước vô lượng Kiếp sở tích chư Nghiệp Phiền não nhũ trung.

Thẳng vượt qua không trở ngại. Sữa tâm Bồ Đề Sư Tử Như Lai. Nương nhờ vô lượng Kiếp tích tụ các Nghiệp trong sữa Phiền não.

皆悉消盡。不住聲聞，

緣覺法中。譬如迦毘伽鳥在(穀 禾+卵)中時。

Giai tất tiêu tận. Bất trụ Thanh Văn Duyên Giác Pháp trung. Thí như Ca tì già điểu tại noãn trung thời.

Hết thảy đều tan hết. Không dừng ở trong Pháp Thanh Văn Duyên Giác. Ví như chim Ca tì già khi ở trong trứng.

有大勢力餘鳥弗及。菩薩摩訶薩亦復如是。

Hữu đại thế lực dư điểu phát cập. Bồ Tát Ma ha tát diệp phục như thị.

Có thể lực lớn, chim khác chẳng theo kịp. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

於生死(穀 禾+卵)發菩提心功德勢力。聲聞，緣覺所不能及。

Ư sinh tử noãn phát Bồ Đề tâm công Đức thể lực. Thanh Văn Duyên Giác sở bất năng cập.

Thể lực công Đức tâm Bồ Đề ở trong trứng phát ra. Thanh Văn Duyên Giác không thể theo kịp.

譬如金翅鳥初始生時。其目明淨有大勢力。

Thí như Kim Sí điều sơ thủy sinh thời. Kỳ mục minh tịnh hữu đại thể lực.

Ví như chim Kim Sí khi mới sinh ra. Mắt nó sáng sạch có thể lực lớn.

大小諸鳥所不能及。菩薩摩訶薩亦復如是。生如來家發菩提心。

Đại tiểu chư điều sở bất năng cập. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Sinh Như Lai gia phát Bồ Đề tâm.

Các chim lớn nhỏ không thể theo kịp. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Sinh ở gia đình Như Lai, phát tâm Bồ Đề.

慧眼明淨有大勢力。聲聞，緣覺於百千劫。

Tuệ nhãn minh tịnh hữu đại thể lực. Thanh Văn Duyên Giác ư bách thiên kiếp.

Mắt Trí tuệ sáng sạch có thể lực lớn. Thanh Văn
Duyên Giác với trăm nghìn Kiếp.

修習智慧所不能及。譬如健士以那羅延金剛利箭。

Tu tập Trí tuệ sở bất năng cập. Thí như kiện sĩ dĩ Na
La Diên Kim cương lợi tiễn.

Tu luyện Trí tuệ không thể theo kịp. Ví như lực sĩ
mạnh dùng mũi tên sắc Kim cương không hỏng.

射堅密鎧直過無礙。菩薩摩訶薩亦復如是。

Xạ kiên mật khải trực quá vô ngại. Bồ Tát Ma ha tát
diệt phục như thị.

Bắn áo giáp kín kiên cố xuyên thẳng qua không có trở
ngại. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

以菩提心智慧利箭。射諸邪見煩惱密鎧，徹過無礙。

Dĩ Bồ Đề tâm Trí tuệ lợi tiễn. Xạ chư tà kiến Phiền
não mật khải, triệt quá vô ngại.

Dùng mũi tên sắc Trí tuệ của tâm Bồ Đề. Bắn các áo
giáp kín Phiền não thấy sai, xuyên qua không có trở
ngại.

譬如摩訶那伽大力勇士。奮威怒時閻浮提人無能壞
者。

Thí như Ma ha Na già đại lực dũng sĩ. Phấn uy nộ thời
Diêm Phù Đề nhân vô năng hoại giả.

Ví như dũng sĩ sức lớn Ma ha Na già. Khi uy thế rung
động, người Diêm Phù Đề không thể phá hỏng.

菩薩摩訶薩亦復如是。發大慈悲。修菩提心。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Phát Đại Từ Bi, tu Bồ Đề tâm.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Phát ra Đại Từ Bi, tu hành tâm Bồ Đề.

一切世間諸魔眷屬及煩惱業所不能壞。

Nhất thiết Thế gian chư Ma quyến thuộc, cập Phiền não Nghiệp sở bất năng hoại.

Quyến thuộc các Ma của tất cả Thế gian và các Nghiệp Phiền não không thể phá hỏng.

譬如有人學大技術。雖未究竟諸餘巧能所不能及。

Thí như hữu nhân học đại kỹ thuật. Tuy vị cứu cánh, chư dư xảo năng sở bất năng cập.

Ví như có người học kỹ thuật lớn. Tuy chưa thành quả, các khả năng khéo khác không thể theo kịp.

菩薩摩訶薩亦復如是。學菩提心願雖未究竟。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Học Bồ Đề tâm nguyện, tuy vị cứu cánh.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Nguyện học tâm Bồ Đề, tuy chưa thành quả.

聲聞,緣覺諸餘眾生。所不能及。

Thanh Văn Duyên Giác chư dư chúng sinh sở bất năng cập.

Thanh Văn Duyên Giác các chúng sinh khác không thể theo kịp.

譬如有人學善射術，先自安立。

Thí như hữu nhân học thiện xạ thuật, tiên tự an lập. Ví như có người hay học thuật bắn tên, trước tiên tự yên lập dựng.

菩薩摩訶薩亦復如是。學一切智地。先自安立菩提之心。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Học Nhất thiết Trí địa, tiên tự an lập Bồ Đề chi tâm.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Học bậc Tất cả Trí tuệ, trước tiên tự yên lập dựng tâm Bồ Đề.

必得一切佛法。譬如幻師先讀幻術。

Tất đắc nhất thiết Phật Pháp. Thí như huyễn sư tiên đọc huyễn thuật.

Ắt được tất cả Pháp Phật. Ví như nhà ảo thuật trước tiên đọc ảo thuật.

然後示現一切幻事。菩薩摩訶薩亦復如是。

Nhiên hậu thị hiện nhất thiết huyễn sự. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Sau đó tỏ ra rõ tất cả cả việc ảo. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

發菩提心，然後顯現一切諸佛菩薩正法。

Phát Bồ Đề tâm nhiên hậu hiển hiện nhất thiết chư Phật Bồ Tát Chính pháp.

Phát tâm Bồ Đề sau đó hiện ra rõ tất cả Pháp đúng của các Phật Bồ Tát.

譬如幻術非色現色。菩提心相亦復如是。

Thí như huyền thuật phi sắc hiện sắc. Bồ Đề tâm tương diệc phục như thị.

Ví như ảo thuật, sắc thân hiện ra sắc thân sai. Hình tướng tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

顯現法界功德莊嚴。

Hiển hiện Pháp giới công Đức trang nghiêm.

Hiện ra rõ công Đức trang nghiêm của Cõi Pháp.

譬如有人著閻浮檀金莊嚴之具。

Thí như hữu nhân trước Diêm phù đàn kim trang nghiêm chi cụ.

Ví như có người được nương nhờ đồ dùng trang nghiêm vàng Diêm phù đàn.

映蔽一切悉如聚墨。菩薩摩訶薩亦復如是。

Ánh tế nhất thiết tất như tụ mực. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ánh sáng che lấp tất cả đều như bôi mực. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

以菩提心莊嚴之具蔽諸眾生，聲聞，緣覺所有功德。

Dĩ Bồ Đề tâm trang nghiêm chi cụ tế chư chúng sinh,
Thanh Văn Duyên Giác sở hữu công Đức.

Dùng đồ dùng trang nghiêm của tâm Bồ Đề che lên
tất cả công Đức của các chúng sinh, Thanh Văn
Duyên Giác.

譬如阿夜捷多鐵。

此鐵少分悉能毀壞一切餘鐵諸鉤鎖縛。

Thí như A dạ kiên đa thiết. Thử thiết thiếu phần tất
năng hủy hoại nhất thiết dư thiết chư câu tỏa phược.

Ví như thép A dạ kiên đa. Phần nhỏ thép này đều có
thể phá hỏng các lưỡi câu chùm của tất cả thép khác

菩提之心亦復如是。斷諸邪見煩惱愛縛。

Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị. Đoạn chư tà kiến
Phiền não ái phược.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Cắt đứt ràng buộc của
các yêu Phiền não thấy sai.

譬如疾風隨去無礙。菩提心風亦復如是。

Thí như tật phong tùy khứ vô ngại. Bồ Đề tâm phong
diệc phục như thị.

Ví như gió lớn tùy ý thổi không có trở ngại. Gió của
tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

隨所行處，除諸煩惱，悉無障礙。不住聲聞，

緣覺解脫。

Tùy sở hành xứ, trừ chư Phiền não, tất vô chướng ngại. Bất trụ Thanh Văn Duyên Giác Giải thoát.

Tùy ý tới nơi, trừ bỏ các Phiền não, đều không có chướng ngại. Không dừng ở Giải thoát của Thanh Văn Duyên Giác.

譬如有人善入大海而不沒溺。摩伽羅魚所不能害。

Thí như hữu nhân thiện nhập đại hải nhi bất một nịch. Ma già la ngư sở bất năng hại.

Ví như có người hay nhập vào biển lớn mà không đắm chìm. Cá Ma già la không thể làm hại.

菩薩摩訶薩亦復如是。以菩提心入生死海，不為生死之所染污。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Dĩ Bồ Đề tâm nhập sinh tử hải, bất vi sinh tử chi sở nhiễm ô.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Dùng tâm Bồ Đề nhập vào biển sinh chết, không bị sinh chết làm nhiễm ố.

亦不證實際聲聞，緣覺。摩伽羅魚所不能害。

Diệc bất chứng thực tế Thanh Văn Duyên Giác. Ma già la ngư sở bất năng hại.

Cũng không chứng thực tế Thanh Văn Duyên Giác. Cá Ma già la không thể làm hại.

譬如有人服食甘露。一切眾患所不能害。

Thí như hữu nhân phục thực Cam lộ. Nhất thiết chúng hoạn sở bất năng hại.

Ví như có người uống nước Cam lộ. Tất cả các ách nạn không thể làm hại.

菩薩摩訶薩亦復如是。服菩提心甘露法藥。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Phục Bồ Đề tâm Cam lộ Pháp dược.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Uống thuốc Pháp Cam lộ của tâm Bồ Đề.

不墮聲聞,緣覺之地。修習大悲,滿足願行。

Bất đọa Thanh Văn Duyên Giác chi địa. Tu tập Đại Bi, mãn túc nguyện hạnh.

Không đọa xuống bậc Thanh Văn Duyên Giác. Tu luyện Đại Bi, hạnh nguyện đầy đủ.

譬如有人用翳身藥。以塗其目,自在遊行,無能見者。

Thí như hữu nhân dụng ố thân dược. Dĩ đồ kỳ mục Tự tại du hành, vô năng kiến giả.

Ví như có người dùng thuốc che lấp thân. Dùng bôi lên mắt họ Tự do đi lại, không thể nhìn thấy.

菩薩摩訶薩亦復如是。得菩提心滿足大願。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Đắc Bồ Đề tâm mãn túc đại nguyện.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Được đầy đủ
nguyện lớn của tâm Bồ Đề.

自在遊行, 入魔境界。一切眾魔所不能見。

Tự tại du hành, nhập Ma cảnh giới. Nhất thiết chúng
Ma sở bất năng kiến.

Đi lại Tự do, nhập vào cảnh giới Ma. Tất cả các Ma
không thể thấy.

譬如有人依恃大王,

不畏餘人。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như hữu nhân y thị Đại vương, bất úy dư nhân.
Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ví như có người dựa cậy vào Vua lớn, không sợ
người khác. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

依菩提心大力法王除滅障蓋, 不畏惡道。

Y Bồ Đề tâm đại lực Pháp vương trừ diệt chướng cái,
bất úy ác Đạo.

Dựa vào tâm Bồ Đề Vua Pháp lực lớn trừ diệt văng
chướng ngại, không sợ Đạo ác.

譬如有人居深水內,

不畏火焚。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như hữu nhân cư thâm thủy nội, bất úy hỏa phần.
Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ví như có người sống ở bên trong nước sâu, không
sợ lửa thiêu đốt. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

居菩提心善根水內。聲聞，緣覺解脫之火所不能燒。

Cư Bồ Đề tâm thiện Căn thủy nội. Thanh Văn Duyên Giác Giải thoát chi hỏa sở bất năng thiêu.

Sống ở bên trong nước Căn thiện của tâm Bồ Đề. Lửa Giải thoát của Thanh Văn Duyên Giác không thể thiêu đốt.

譬如有人依恃猛將，
不畏怨敵。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như hữu nhân y thị mãnh tướng, bất úy oán địch.
Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Ví như có người dựa cậy vào tướng mạnh, không sợ oán địch. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

依菩提心不畏諸惡。譬如釋天執持金剛。

Y Bồ Đề tâm bất úy chư ác. Thí như Thích Thiên chấp trì Kim cương.

Dựa vào tâm Bồ Đề không sợ các ác. Ví như Trời Đế Thích cầm giữ Kim cương.

降伏一切諸阿脩羅。菩薩摩訶薩亦復如是。

Hàng phục nhất thiết chư A Tu La. Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị.

Hàng phục tất cả các A Tu La. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

執菩提心摧滅諸魔。及餘外道。譬如有人服阿羅娑藥。

Chấp Bồ Đề tâm tồi diệt chư Ma cập dư ngoại Đạo.
Thí như hữu nhân phục A la sa dược.

Cầm lấy tâm Bồ Đề bẻ gãy các Ma và các ngoại Đạo khác. Ví như có người uống thuốc A la sa.

不瘦不老延壽無窮。菩薩摩訶薩亦復如是。服菩提心阿羅娑藥。

Bất sấu bất lão diên thọ vô cùng. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị. Phục Bồ Đề tâm A la sa dược.

Không gãy yếu không già, thọ lâu vô cùng. Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Uống thuốc A la sa của tâm Bồ Đề.

於無量劫在生死中修菩薩行，無所染著。

Ư vô lượng Kiếp tại sinh tử trung tu Bồ Tát hạnh, vô sở nhiễm trước.

Với vô lượng Kiếp ở trong sinh chết tu hành hạnh Bồ Tát, không bị nhiễm nương nhờ.

譬如阿羅娑藥初用淨水。菩提心藥亦復如是。

Thí như A la sa dược sơ dụng tịnh thủy. Bồ Đề tâm dược diệt phục như thị.

Ví như thuốc A la sa ban đầu sử dụng nước sạch.

Thuốc tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

一切菩薩所修行中最為先首。譬如有人諸根法中命根為首。

Nhất thiết Bồ Tát sở tu hành trung, tối vi tiên thủ. Thí như hữu nhân chư Căn Pháp trung mệnh Căn vi thủ. Trong tu hành của tất cả Bồ Tát là việc đầu tiên nhất. Ví như có người các Căn trong Pháp, Căn mệnh là hàng đầu.

菩薩摩訶薩亦復如是。諸佛正法菩提之心，最爲其首。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Chư Phật Chính pháp Bồ Đề chi tâm, tối vi kỳ thủ.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Tâm Bồ Đề Pháp đúng của các Phật là đứng hàng đầu.

譬如有人命根斷故。不能利益父母親族。

Thí như hữu nhân mệnh Căn đoạn cố. Bất năng lợi ích Phụ mẫu thân tộc.

Ví như có người do Căn mệnh đứt đoạn. Không thể lợi ích Cha mẹ thân tộc.

菩薩摩訶薩亦復如是。離菩提心不能饒益一切眾生。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Ly Bồ Đề tâm bất năng nhiều ích nhất thiết chúng sinh.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Rời tâm Bồ Đề không thể lợi ích tất cả chúng sinh.

譬如大海無能壞者。菩提心海亦復如是。

Thí như đại hải vô năng hoại giả. Bồ Đề tâm hải diệt phục như thị.

Ví như biển lớn không thể phá hỏng. Biển tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

聲聞, 緣覺不能沮壞。譬如日光諸星宿光所不能蔽。

Thanh Văn Duyên Giác bất năng tự hoại. Thí như Nhật quang chư tinh tú quang sở bất năng tế.

Thanh Văn Duyên Giác không thể tan hỏng. Ví như ánh Thái dương, ánh sáng các vì sao không thể che lấp.

菩提心日亦復如是。圓滿大願智慧日光。

Bồ Đề tâm Nhật diệt phục như thị. Viên mãn đại nguyện Trí tuệ Nhật quang.

Mặt Trời của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Ánh Thái dương Trí tuệ nguyện lớn đầy đủ.

聲聞, 緣覺無漏慧光所不能蔽。

Thanh Văn Duyên Giác Vô lậu Tuệ quang sở bất năng tế.

Ánh quang Tuệ hết Phiền não của Thanh Văn Duyên Giác không thể che lấp.

譬如太子初生已為大臣之所尊重。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như Thái Tử sơ sinh dĩ vi đại thần chi sở tôn trọng. Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị.

Ví như Thái Tử mới sinh đã được đại thần tôn trọng.
Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế.

發菩提心已。爲一切聲聞，
緣覺所共尊重。修大悲故。

Phát Bồ Đề tâm dĩ. Vì nhất thiết Thanh Văn Duyên
Giác sở cộng tôn trọng. Tu Đại Bi cố.

Phát tâm Bồ Đề xong. Được tất cả Thanh Văn Duyên
Giác cùng tôn trọng. Do tu hành Đại Bi.

譬如王子年雖幼少。一切大臣皆悉敬禮。

Thí như Vương tử niên tuy ấu thiếu. Nhất thiết đại
thần giai tất kính lễ.

Ví như con Vua tuổi tuy ít bé. Tất cả đại thần hết thảy
đều kính lễ.

菩薩摩訶薩亦復如是。發菩提心，
聲聞緣覺皆悉敬禮。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Phát Bồ Đề tâm,
Thanh Văn Duyên Giác giai tất kính lễ.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Phát tâm Bồ Đề,
Thanh Văn Duyên Giác hết thảy đều kính lễ.

譬如王子雖未自在。已具成就國王儀相。

Thí như Vương tử tuy vị Tự tại. Dĩ cụ thành tự Quốc
vương nghi tướng.

Ví như con Vua tuy chưa Tự do. Đã thành công đầy
đủ tướng mạo uy nghi của Quốc Vương.

菩薩摩訶薩亦復如是。雖為煩惱業障所覆。

Bồ Tát Ma ha tát diệc phục như thị. Tuy vi Phiền não Nghiệp chướng sở phục.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Tuy bị che phủ của chướng Nghiệp Phiền não.

以具成就菩提心相。譬如目翳見真淨寶，謂為不淨。

Dĩ cụ thành tựu Bồ Đề tâm tướng. Thí như mục ế kiến chân tịnh bảo, vị vi bất tịnh.

Do hình tướng tâm Bồ Đề thành công đầy đủ. Ví như mắt mờ thấy báu vật chân thực Thanh tịnh, nói là không Thanh tịnh.

菩提心寶亦復如是。無智不信起不淨想。

Bồ Đề tâm bảo diệc phục như thị. Vô Trí bất tín khởi bất tịnh tưởng.

Tâm báu Bồ Đề cũng lại như thế. Không tin không có Trí tuệ phát ra tưởng nhớ không Thanh tịnh.

譬如呪藥若有眾生見聞共住。一切眾病皆悉除愈。

Thí như Chú dược nhược hữu chúng sinh kiến văn cộng trụ. Nhất thiết chúng bệnh giai tất trừ dĩ.

Ví như Chú nguyện thuốc, nếu có chúng sinh nghe thấy cùng dùng ở. Tất cả các bệnh hết thảy đều nhanh khỏi.

菩提心藥亦復如是。長養善根，攝智慧藥。

Bồ Đề tâm được diệp phục như thị. Trưởng dưỡng thiện Căn, nhiếp Trí tuệ được.

Thuốc của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Nuôi lớn Căn thiện, hút lấy thuốc Trí tuệ.

滿足大願菩薩慧身。若有眾生見聞共住。

Mãn túc đại nguyện Bồ Tát Tuệ thân. Nhược hữu chúng sinh kiến văn cộng trụ.

Thân Trí tuệ của Bồ Tát nguyện lớn đầy đủ. Nếu có chúng sinh nghe thấy cùng dừng ở.

修正念者皆悉除滅煩惱諸病。譬如恒婆相衣不受塵垢。

Tu Chính niệm giả giai tất trừ diệt Phiền não chư bệnh. Thí như Hằng sa tướng y bất thụ trần cấu.

Tu hành Nhớ đúng, hết thấy đều trừ diệt các bệnh Phiền não. Ví như áo lẫn lộn cát sông Hằng không nhận Phiền não.

菩提心衣亦復如是。不受一切生死塵垢。

Bồ Đề tâm y diệp phục như thị. Bất thụ nhất thiết sinh tử trần cấu.

Áo của tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Không nhận tất cả Phiền não sinh chết.

譬如有人常持甘露。專念不散而能分別一切諸法。

Thí như hữu nhân thường trì Cam lộ. Chuyên niệm bất tán nhi năng phân biệt nhất thiết chư Pháp.

Ví như có người thường giữ Giới sạch. Chuyên nhớ không tan mà có thể phân biệt tất cả các Pháp.

菩薩摩訶薩亦復如是。持菩提心甘露正法。

Bồ Tát Ma ha tát diệt phục như thị. Trì Bồ Đề tâm Cam lộ Chính pháp.

Bồ Tát Bồ Tát lớn cũng lại như thế. Giữ Pháp đúng Giới sạch của tâm Bồ Đề.

正念不散而能教化一切眾生。令具大願成智慧身。

Chính niệm bất tán nhi năng giáo hóa nhất thiết chúng sinh. Linh cụ đại nguyện thành Trí tuệ thân.

Nhớ đúng không tan mà có thể giáo hóa tất cả chúng sinh. Giúp cho đầy đủ nguyện lớn được thân Trí tuệ.

譬如犁無有扼則不堪用。菩提之心亦復如是。離正直心。

Thí như lê vô hữu ách tắc bất kham dụng. Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị. Ly chính trực tâm.

Ví như chiếc cày không có ách chắc là không thể sử dụng. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Rời tâm chính trực.

於如來法無有實義。譬如轉輪王有妙天冠。

Ư Như Lai Pháp vô hữu thực nghĩa. Thí như Chuyển luân Vương hữu diệu Thiên quan.

Với Pháp Như Lai không có nghĩa chân thực. Ví như Vua Chuyển luân có mũ Trời vi diệu.

名曰象藏。洗彼冠時，四種兵眾遊行虛空。

Danh viết Tượng tạng. Tẩy bỉ quan thời tứ chủng binh chúng du hành hư không.

Tên là Tạng voi. Khi giặt mũ đó 4 loại chúng binh đi lại trong khoảng không.

菩提心冠亦復如是。淨諸菩薩一切善根，遠離三有。

Bồ Đề tâm quan diệc phục như thị. Tịnh chư Bồ Tát nhất thiết thiện Căn, viễn ly tam Hữu.

Mũ tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Thanh tịnh tất cả Căn thiện của Bồ Tát, rời xa ba Có.

如來智慧無爲境界虛空中行。

Như Lai Trí tuệ Vô vi cảnh giới hư không trung hành.

Trí tuệ Như Lai đi trong khoảng không cảnh giới Không có hình.

譬如金剛從金性生，非餘寶生。菩提心寶亦復如是。

Thí như Kim cương tòng kim tính sinh, phi dư bảo sinh. Bồ Đề tâm bảo diệc phục như thị.

Ví như Kim cương sinh ra từ tính của vàng, không phải vật báu khác sinh. Tâm báu Bồ Đề cũng lại như thế.

大悲救護眾生性生，非餘善生。

Đại Bi cứu hộ chúng sinh tính sinh, phi dư thiện sinh.

Đại Bi cứu giúp chúng sinh sinh tính, không phải thiện khác sinh.

譬如有樹不從根生。而能長養枝葉華果。

Thí như hữu thụ bất tông căn sinh. Nhi năng trưởng dưỡng chi diệp hoa quả.

Ví như có cây sinh không từ gốc. Mà có thể nuôi lớn cành lá hoa quả.

菩提心樹亦復如是。無所依止而能長養一切種智。

Bồ Đề tâm thụ diệp phục như thị. Vô sở y chỉ nhi năng trưởng dưỡng Nhất thiết chủng Trí.

Cây tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Không nơi dừng dựa mà có thể nuôi lớn Tất cả loại Trí tuệ.

通明大願, 普覆世間。譬如金剛非一切器盡能發明。

Thông minh đại nguyện, phổ phúc Thế gian. Thí như Kim cương phi nhất thiết khí tận năng phát minh.

Nguyện lớn sáng suốt, che lên khắp Thế gian. Ví như Kim cương không phải tất cả khí cụ có thể phát sáng hết.

亦非諸器盡能容持。菩提心寶亦復如是。小心慳結

。

Diệp phi chư khí tận năng dung trì. Bồ Đề tâm bảo diệp phục như thị. Tiểu tâm khan kết.

Cũng không phải các khí cụ các có thể nhận giữ hết.

Tâm báu Bồ Đề cũng lại như thế. Tâm nhỏ keo kết buộc.

無智者器不能發明。諂曲邪見眾生器中不能容持。

Vô Trí giả khí bất năng phát minh. Siểm khúc tà kiến chúng sinh khí trung bất năng dung trì.

Không có Trí tuệ, khí chất không thể phát sáng. Siểm nịnh thấy sai không thể nhận giữ trong khí chất chúng sinh.

譬如金剛能壞眾寶。菩提之心亦復如是。

Thí như Kim cương năng hoại chúng bảo. Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị.

Ví như Kim cương có thể phá hỏng các vật báu. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

決定了知一切諸法。譬如金剛能壞眾山。

Quyết định liễu tri nhất thiết chư Pháp. Thí như Kim cương năng hoại chúng sơn.

Quyết định biết rõ tất cả các Pháp. Ví như Kim cương có thể phá hỏng các núi.

菩提之心亦復如是。壞散一切諸邪見山。

Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị. Hoại tán nhất thiết chư tà kiến sơn.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Tan hỏng tất cả các núi thấy sai trái.

譬如金剛雖破不全。一切眾寶猶不能及。

Thí như Kim cương tuy phá bất toàn. Nhất thiết chúng bảo do bất năng cập.

Ví như Kim cương tuy phá vỡ không toàn vẹn. Tất cả các báu vật không thể theo kịp.

菩提之心亦復如是。雖小懈怠。聲聞，緣覺諸功德寶所不能及。

Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị. Tuy tiểu giải đãi. Thanh Văn Duyên Giác chư công Đức bảo sở bất năng cập.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Tuy lười nhác nhỏ. Các công Đức báu của Thanh Văn Duyên Giác không thể theo kịp.

譬如破金剛猶能除滅諸貧困苦。菩提之心亦復如是。

Thí như phá Kim cương do năng trừ diệt chư bản khốn khổ. Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị.

Ví như Kim cương vỡ nhỏ do có thể trừ diệt các khổ nghèo khó. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

雖復小失威儀趣法。猶能除滅諸貧窮苦。

Tuy phục tiểu thất uy nghi thú Pháp. Do năng trừ diệt chư bản cùng khổ.

Tuy lại Pháp hướng tới mất uy nghi nhỏ. Do có thể trừ diệt các khổ nghèo khó.

譬如小金剛悉能破壞一切諸物。菩提之心亦復如是。

Thí như tiểu Kim cương tất năng phá hoại nhất thiết chư vật. Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị.

Ví như Kim cương nhỏ đều có thể phá hỏng tất cả các vật. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

緣小境界能破一切無知癡惑。譬如金剛非常人所得。

Duyên tiểu cảnh giới năng phá nhất thiết vô tri si hoặc. Thí như Kim cương phi thường nhân sở đắc.

Duyên cảnh giới nhỏ có thể phá vỡ tất cả không biết ngu si nghi hoặc. Ví như người phi thường được Kim cương.

菩提之心亦復如是。非小心眾生之所能得。

Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị. Phi tiểu tâm chúng sinh chi sở năng đắc.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Không phải chúng sinh tâm nhỏ có thể được.

譬如金剛無智術者所不能識。菩提之心亦復如是。

Thí như Kim cương vô Trí thuật giả sở bất năng thức.

Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị.

Ví như Kim cương người không có kỹ thuật Trí tuệ không thể nhận biết. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

無智眾生所不能識。譬如金剛無能消滅。

Vô Trí chúng sinh sở bất năng thức. Thí như Kim cương vô năng tiêu diệt.

Chúng sinh không có Trí tuệ không thể nhận biết. Ví như Kim cương không thể tan mất.

菩提之心亦復如是。一切諸法不能消盡。

Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị. Nhất thiết chư Pháp bất năng tiêu tận.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Tất cả các Pháp không thể tan mất.

譬如金剛器仗。一切眾生乃至摩訶那伽，不能執持。

Thí như Kim cương khí trượng. Nhất thiết chúng sinh nãi chí Ma ha Na già, bất năng chấp trì.

Ví như binh khí bằng Kim cương. Tất cả chúng sinh thậm chí Ma ha Na già, không thể cầm giữ.

除那羅延力。菩提之心亦復如是。聲聞，緣覺不能受持。

Trừ Na La Diên lực. Bồ Đề chi tâm diệt phục như thị. Thanh Văn Duyên Giác bất năng thụ trì.

Ngoại trừ lực của Kim cương không hỏng. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Thanh Văn Duyên Giác không thể nhận giữ.

除諸菩薩摩訶薩。譬如金剛器仗，無不鑒徹。

Trừ chư Bồ Tát Ma ha tát. Thí như Kim cương khí trượng, vô bất giám triệt.

Ngoại trừ Bồ Tát Bồ Tát lớn. Ví như binh khí bằng Kim cương, đều soi sáng thấu suốt.

非餘器仗之所能爲。菩提之心亦復如是。

Phi dư khí trượng chi sở năng vi. Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị.

Không phải binh khí khác có thể làm. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

觀察三世,教化眾生。阿僧祇劫受無量苦。

Quan sát Tam thế, giáo hóa chúng sinh. A tăng kì Kiếp thụ vô lượng khổ.

Quan sát Ba Đời, giáo hóa chúng sinh. A tăng kì Kiếp nhận vô lượng khổ.

聲聞,緣覺所不能及。譬如金剛餘不能持,除金剛地。

Thanh Văn Duyên Giác sở bất năng cập. Thí như Kim cương, dư bất năng trì. Trừ Kim cương địa.

Thanh Văn Duyên Giác không thể theo kịp. Ví như Kim cương người khác không thể giữ. Ngoại trừ bậc Kim cương.

菩提之心亦復如是。出生菩薩行願功德。

Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị. Xuất sinh Bồ Tát hạnh nguyện công Đức.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Sinh ra công Đức hạnh nguyện của Bồ Tát.

聲聞,緣覺所不能持。除薩婆若正直心者。

Thanh Văn Duyên Giác sở bất năng trì. Trừ Tát Bà Nhã chính trực tâm giả.

Thanh Văn Duyên Giác không thể giữ. Ngoại trừ tâm chính trực Tất cả các loại Trí tuệ.

譬如金剛器中盛水，不可消盡。菩提之心亦復如是。Thí như Kim cương khí trung thịnh thủy, bất khả tiêu tận. Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị.

Ví như nước đầy trong đồ dùng bằng Kim cương, không thể mất hết. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

安住勝妙迴向善根。入生死趣，諸不善法不能消盡。An trụ thắng diệu hồi hướng thiện Căn. Nhập sinh tử thú, chư bất thiện Pháp bất năng tiêu tận.

Yên ở Căn thiện hồi hướng tốt đẹp. Nhập vào hướng sinh chết, các Pháp không thiện không thể tan hết.

譬如金剛能持大地，不令墜沒。菩提之心亦復如是。Thí như Kim cương năng trì Đại địa, bất linh trụ một. Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị.

Ví như Kim cương có thể giữ Đất lớn, không làm cho chìm xuống. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

持諸菩薩一切願行。不令墜落沒於三界。

Trì chư Bồ Tát nhất thiết nguyện hạnh. Bất linh trụ lạc một ư Tam giới.

Giữ tất cả hạnh nguyện của các Bồ Tát. Không làm cho rơi xuống chìm ở Ba Cõi.

譬如金剛於百千劫。處於水中而不爛壞亦無變異。

Thí như Kim cương ư bách thiên Kiếp. Xử ư thủy trung nhi bất lạn hoại, diệc vô biến dị.

Ví như Kim cương với trăm nghìn Kiếp. Ở trong nước mà không nát hỏng, cũng không thay đổi.

菩提之心亦復如是。於無量劫處生死中。

Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị. Ư vô lượng Kiếp xử sinh tử trung.

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Với vô lượng Kiếp ở trong sinh chết.

諸煩惱業不能斷滅亦無損減。

Chư Phiền não Nghiệp bất năng đoạn diệt, diệc vô tổn giảm.

Các Nghiệp Phiền não không thể cắt mất, cũng không tổn giảm.

譬如金剛一切大火不能燒熱。菩提之心亦復如是。

Thí như Kim cương nhất thiết đại hỏa bất năng thiêu nhiệt. Bồ Đề chi tâm diệc phục như thị.

Ví như Kim cương tất cả lửa lớn không thể đốt nóng. Tâm Bồ Đề cũng lại như thế.

一切生死貪恚癡火，不能燒熱。譬如金剛道場之座。

Nhất thiết sinh tử tham khúế si hỏa, bất năng thiêu nhiệt. Thí như Kim cương Đạo tràng chi tòa.

Lửa của tất cả tham lam thù giận ngu si, không thể đốt nóng. Ví như tòa Kim cương Đạo tràng.

能持菩薩降伏諸魔。成等正覺，餘不能持。

Năng trì Bồ Tát hàng phục chư Ma. Thành Đẳng Chính Giác, dư bất năng trì.

Có thể giữ Bồ Tát hàng phục các Ma. Thành Đẳng Chính Giác, khác không thể giữ.

菩提之心亦復如是。能持一切菩薩願行，

Bồ Đề chí tâm diệc phục như thị. Năng trì nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh,

Tâm Bồ Đề cũng lại như thế. Có thể giữ hạnh nguyện của tất cả Bồ Tát,

諸波羅蜜，諸忍，諸地，迴向受記，修菩提道，供養諸佛。

chư Ba La Mật, chư Nhẫn chư địa, hồi hướng thụ kí, tu Bồ Đề Đạo, cúng dường chư Phật.

các Pháp tới Niết Bàn, các Nhẫn nhĩn các Bạc, hồi hướng nhớ ban cho bậc Phật, tu hành Đạo Bồ Đề, cúng dường các Phật.

聞法受行。一切諸心所不能持。善男子!

Văn Pháp thụ hành. Nhất thiết chư tâm sở bất năng trì. Thiện nam tử!

Nghe Pháp nhận thực hành. Tất cả các tâm không có thể giữ. Người nam thiện!

菩提之心成就如是無量功德。若有眾生發菩提心。
Bồ Đề chi tâm thành tựu như thị vô lượng công Đức.
Nhược hữu chúng sinh phát Bồ Đề tâm.

Tâm Bồ Đề thành công vô lượng công Đức như thế.
Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ Đề.

則具如是無量功德。是故。善男子! 汝得善利。
Tắc cụ như thị vô lượng công Đức. Thị cố thiện nam
tử! Nhữ đắc thiện lợi.

Chắc là đủ vô lượng công Đức như thế. Vì thế người
nam thiện! Ngài được lợi thiện.

發阿耨多羅三藐三菩提心。修菩薩行。具足如是無
量功德。

Phát A nậu Đa la Tam miệu tam Bồ Đề tâm. Tu Bồ Tát
hạnh. Cụ túc như thị vô lượng công Đức.

Phát tâm A nậu Đa la Tam miệu tam Bồ Đề. Tu hành
hạnh Bồ Tát. Đầy đủ vô lượng công Đức như thế.

善男子! 汝先所問。云何菩薩學菩薩行, 修菩薩道者?
Thiện nam tử! Nhữ tiên sở vấn. Vân hà Bồ Tát học
Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát Đạo giả?

Người nam thiện! Ngài trước kia hỏi. Bồ Tát học
hạnh Bồ Tát, tu hành Đạo Bồ Tát ra sao?

汝今入是明淨莊嚴藏大樓觀者。

Nhữ kim nhập thị minh tịnh trang nghiêm tạng đại lâu
quán giả.

Ngài nay nhập vào lầu quán lớn tằng trang nghiêm sáng sạch đó.

則能了知學菩薩行,修菩薩道。具足成就無量功德。Tức năng liễu tri học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát Đạo. Cụ túc thành tựu vô lượng công Đức.

Chắc là có thể biết rõ học hạnh Bồ Tát, tu hành Đạo Bồ Tát. Thành công đầy đủ vô lượng công Đức.

爾時善財童子敬遶彌勒菩薩。合掌白言：

Nhĩ thời Thiện Tài Đồng tử kính nhiễu Di Lặc Bồ Tát. Hợp chưởng bạch ngôn：

Khi đó Cậu bé Thiện Tài cung kính vòng quanh Di Lặc Bồ Tát. Chắp tay báo cáo nói rằng：

唯願大聖開樓觀門,令我得入。

Duy nguyện đại Thánh khai lầu quán môn, linh Ngã đắc nhập.

Chỉ nguyện Thánh lớn mở cửa lầu quán, giúp cho Con được nhập vào.

爾時彌勒菩薩即彈右指。門自然開。善財即入,入已還閉。

Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát tức đạh hữu chỉ. Môn tự nhiên khai. Thiện Tài tức nhập, nhập dĩ hoàn bế.

Lúc đó Di Lặc Bồ Tát liền búng ngón tay phải. Cửa tự nhiên mở ra. Thiện Tài liền nhập vào, vào xong lại đóng trở lại.

爾時善財觀察樓觀。廣大無量猶如虛空。眾寶為地。

Nhĩ thời Thiện Tài quan sát lầu quán. Quảng đại vô lượng do như hư không. Chúng bảo vi địa.

Khi đó Thiện Tài quan sát lầu quán. Rộng lớn vô lượng giống như khoảng không. Các vật báu là đất.

有阿僧祇窓牖,

却敵欄楯,七寶合成。阿僧祇幡幢蓋莊嚴。

Hữu A tăng kì song dĩ, khước địch lan thuẫn, thất bảo hợp thành. A tăng kì phan tràng cái trang nghiêm.

Có A tăng kì cửa sổ, lầu gác địch, lan can, 7 vật báu hợp thành. A tăng kì cờ phướn lọng trang nghiêm.

阿僧祇寶瓔珞垂帶。阿僧祇大師子幢半月寶像, 諸寶繒綵。

A tăng kì bảo anh lạc thùy đới. A tăng kì đại Sư Tử tràng, bán Nguyệt bảo tượng, chư bảo tăng thái.

A tăng kì chuỗi ngọc báu rủ xuống. A tăng kì cờ Sư Tử lớn, tượng báu nửa vàng Trắng, các lụa báu sắc sỡ.

又阿僧祇天冠寶衣而以莊嚴。阿僧祇寶網羅覆其上。

Hựu A tăng kì Thiên quan bảo y nhi dĩ trang nghiêm. A tăng kì bảo võng la phúc kỳ thượng.

Lại A tăng kì mũ Trời áo báu mà dùng để trang
nghiêm. A tăng kì võng lưới báu che lên trên đó.

阿僧祇金鈴自然演出微妙音聲。

A tăng kì kim linh tự nhiên diễn xuất vi diệu âm thanh.

A tăng kì linh bằng vàng tự nhiên phát ra âm thanh vi
diệu.

又雨無量寶華鬘雲，諸妙香雲。雨阿僧祇細末金屑。

Hựu vũ vô lượng bảo hoa man vân, chư diệu hương
vân. Vũ A tăng kì tế mạt kim tiết.

Lại rơi xuống vô lượng mây hoa man báu, các mây
hương vi diệu. Rơi xuống A tăng kì vàng vụn nhỏ bé.

放阿僧祇勝妙光明。普照一切。

Phóng A tăng kì thắng diệu Quang minh. Phổ chiếu
nhất thiết.

Phóng ra A tăng kì Quang sáng tốt đẹp. Chiếu sáng
khắp tất cả.

有阿僧祇異類眾鳥出和雅音。

Hữu A tăng kì dị loại chúng điểu xuất hòa nhã âm.

Có A tăng kì các loài chim khác lạ sinh ra âm thanh
hòa nhã.

雨阿僧祇優鉢羅鉢曇摩分陀利華。出阿僧祇摩尼寶
光。

Vũ A tăng kì Ưu bát la, Bát đàm ma Phân đà lợi hoa.

Xuất A tăng kì Ma ni bảo quang.

Roi xuống A tăng kì hoa Ưu bát la, Bát đàm ma, Phân đà lợi. Sinh ra A tăng kì quang báu Như ý.

普照一切。於樓觀內具有百千諸妙樓觀。

Phổ chiếu nhất thiết. Ở lầu quán nội cụ hữu bách thiên chư diệu lầu quán.

Chiếu sáng khắp tất cả. Bên trong lầu quán có đủ trăm nghìn các lầu quán vi diệu.

不相障礙。莊校嚴飾。亦如上說。

Bất tướng chướng ngại, trang hiệu nghiêm sức, diệc như thượng thuyết.

Không cùng chướng ngại, trang sức trang nghiêm, cũng như nói ở bên trên.

爾時善財覩見樓觀不可思議眾妙莊嚴。心大歡喜。

Nhĩ thời Thiện Tài đồ kiến lầu quán bất khả tư nghị chúng diệu trang nghiêm. Tâm đại hoan hỉ.

Khi đó Thiện Tài nhìn thấy lầu quán nhiều trang nghiêm vi diệu không thể nghĩ bàn. Tâm rất vui mừng.

踊躍無量。其心柔軟離諸妄想。除滅一切愚癡闇障。

。

Dũng dục vô lượng. Kỳ tâm nhu nhuyễn, ly chư vọng tưởng. Trừ diệt nhất thiết ngu si ám chướng.

Dũng mạnh vô lượng. Tâm đó mềm mại, rời các tưởng nhớ ảo. Trừ diệt tất cả chướng ngại ngu si đen tối.

正念思惟專求妙趣。以無礙身恭敬作禮。

Chính niệm tư duy, chuyên cầu diệu thú. Dĩ vô ngại thân cung kính tác lễ.

Suy nghĩ Nhớ đúng, chuyên cầu hướng tới vi diệu.

Dùng thân không trở ngại cung kính làm lễ.

禮已彌勒菩薩威神力故。諸樓觀中自見其身。

Lễ dĩ Di Lạc Bồ Tát uy Thần lực cố. Chư lâu quán trung tự kiến kỳ thân.

Lễ xong do uy Thần lực của Di Lạc Bồ Tát. Tự thấy thân đó ở trong các lâu quán.

又見無量自在神力。不思議事。或見彌勒隨本種姓。

Hựu kiến vô lượng Tự tại Thần lực, bất tư nghị sự. Hoặc kiến Di Lạc tùy bản chủng tính.

Lại thấy vô lượng Thần lực Tự do, việc không nghĩ bàn. Hoặc thấy Di Lạc thuận theo họ tộc trước kia.

壽命知識長養善根。諸劫世界，一切佛所。

Thọ mệnh Tri thức, trưởng dưỡng thiện Căn. Chư Kiếp Thế giới, nhất thiết Phật sở.

Tri thức thọ mệnh, nuôi lớn Căn thiện. Các Thế giới Kiếp, tất cả nơi ở của Phật.

及諸眷屬。因諸大願初發阿耨多羅三藐三菩提心。

Cập chư quyến thuộc. Nhân chư đại nguyện sơ phát A nậu Đa la Tam miệu tam Bồ Đề tâm.

Và các quyển thuộc. Nhân do các nguyện lớn ban đầu phát tâm A nậu Đa la Tam muội tam Bồ Đề.

或見初得慈心三昧，因以爲名。或見彌勒行菩薩行。

Hoặc kiến sơ đắc Từ tâm Tam muội nhân dĩ vi danh.

Hoặc kiến Di Lạc hành Bồ Tát hạnh.

Hoặc thấy ban đầu được Tam muội tâm Từ, nhân do lấy làm tên. Hoặc thấy Di Lạc thực hành hạnh Bồ Tát.

滿足一切諸波羅蜜。諸忍，

諸地。淨佛世界。見諸如來。

Mãn túc nhất thiết chư Ba La Mật. Chư Nhân chư Địa, tịnh Phật Thế giới. Kiến chư Như Lai.

Đầy đủ tất cả các Pháp tới Niết Bàn. Các Nhân nhĩn, các Bạc, Thanh tịnh Thế giới Phật. Thấy các Như Lai.

聞法受持。守護正法。爲大法師。得無生忍。知某方處。

Văn Pháp thụ trì. Thủ hộ Chính pháp. Vi đại Pháp sư. Đắc Vô sinh Nhân. Trì mỗ phương xứ.

Nghe Pháp nhận giữ. Giúp bảo vệ Pháp đúng. Là Thầy Pháp lớn. Được Pháp Nhân không sinh. Biết nơi phương đó.

某如來所。劫數多少。而得受記。或見彌勒爲轉輪王。

Mỗ Như Lai sở. Kiếp số đa thiểu. Nhi đắc thụ kí. Hoặc kiến Di Lạc vi Chuyển luân Vương.

Nơi ở của Như Lai đó. Số Kiếp nhiều ít. Mà được ghi ban cho thành Phật. Hoặc thấy Di Lặc là Vua Chuyển luân.

十善化世。或為四天王。饒益一切眾生。

Thập thiện hóa thế. Hoặc vi tứ Thiên vương, nhiều ích nhất thiết chúng sinh.

10 Nghiệp thiện cảm hóa Thế gian. Hoặc là 4 Vua Trời lợi ích tất cả chúng sinh.

或為帝釋訶責五欲。或為夜摩天王讚不放逸。

Hoặc vi Đế Thích ha trách ngũ Dục. Hoặc vi Dạ Ma Thiên vương, tán bất phóng dật.

Hoặc là Đế Thích chê trách 5 Tham muốn. Hoặc là Vua Trời Dạ Ma, ca ngợi không phóng túng.

或為兜率天王。讚歎一生菩薩功德。

Hoặc vi Đâu Suất Thiên vương. Tán thán nhất sinh Bồ Tát công Đức.

Hoặc là Vua Trời Đâu Suất. Ca ngợi công Đức của Bồ Tát một lần sinh thành Phật.

或為化樂天王讚自在法。或為魔王說無常法。

Hoặc vi Hoá Lạc Thiên vương, tán Tự tại Pháp. Hoặc vi Ma vương, thuyết Vô thường Pháp.

Hoặc là Vua Trời Hóa Lạc, ca ngợi Pháp Tự do. Hoặc là Vua Ma, nói Pháp Biến đổi.

或為他化自在天王讚歎菩薩莊嚴化身。

Hoặc vi Tha Hóa Tự Tại Thiên vương, tán thán Bồ Tát trang nghiêm hóa thân.

Hoặc là Vua Trời Tha Hóa Tự Tại, ca ngợi hóa thân trang nghiêm của Bồ Tát.

或爲梵王讚歎四無量心。

Hoặc vi Phạm vương, tán thán tứ Vô lượng tâm.

Hoặc là Vua Phạm, ca ngợi tâm 4 tâm vô lượng Từ Bi Hỉ Xả.

或爲阿脩羅王調伏眷屬入大智海。了達諸法悉如幻化。

Hoặc vi A Tu La Vương, điều phục quyến thuộc nhập đại Trí hải. Liễu đạt chư Pháp tất như huyễn hóa.

Hoặc là Vua A Tu La, điều phục quyến thuộc nhập vào biển Trí tuệ lớn. Thông tỏ các Pháp đều như ảo hóa.

或爲閻羅王放大光明。普照地獄。滅一切苦。

Hoặc vi Diêm La Vương, phóng đại Quang minh. Phổ chiếu Địa ngục, diệt nhất thiết khổ.

Hoặc là Vua Diêm La, phóng Quang sáng lớn. Chiếu sáng khắp Địa ngục, diệt mất tất cả khổ.

或以肴膳飲食施諸餓鬼。或爲畜生受種種身。

Hoặc dĩ hào thiện ẩm thực, thí chư Ngạ quỷ. Hoặc vi Súc sinh, thụ chủng chủng thân.

Hoặc dùng thức ăn uống ngon, ban cho Quỷ đói.

Hoặc vì Súc sinh, nhận đủ các loại thân.

而爲說法 除其癡闇。或爲四天王眷屬說法。

Nhi vị thuyết Pháp, trừ kỳ si ám. Hoặc vì Tứ Thiên vương quyến thuộc thuyết Pháp.

Mà vì nói Pháp, trừ bỏ ngu si đen tối của họ. Hoặc vì quyến thuộc của 4 Vua Trời nói Pháp.

乃至爲諸梵天王眷屬說法。或爲諸龍眷屬說法。

Nãi chí vị chư Phạm Thiên vương quyến thuộc thuyết Pháp. Hoặc vị chư Long quyến thuộc thuyết Pháp.

Thậm chí vì các quyến thuộc của Vua Trời Phạm nói Pháp. Hoặc vì các quyến thuộc của Rồng nói Pháp.

乃至爲人, 非人等眷屬說法。或爲聲聞, 緣覺。

Nãi chí vị nhân phi nhân đẳng quyến thuộc thuyết Pháp. Hoặc vị Thanh Văn Duyên Giác.

Thậm chí vì các quyến thuộc của người, không phải người nói Pháp. Hoặc vì Thanh Văn Duyên Giác.

及諸菩薩大眾說法。或爲發心菩薩。

Cập chư Bồ Tát Đại chúng thuyết Pháp. Hoặc vị phát tâm Bồ Tát.

Cùng các Đại chúng Bồ Tát nói Pháp. Hoặc vì phát tâm Bồ Tát.

乃至十地菩薩說法。或見讚歎初發心菩薩。

Nãi chí thập địa Bồ Tát thuyết Pháp. Hoặ kiến tán thán sơ phát tâm Bồ Tát.

Thậm chí nói Pháp Bồ Tát 10 bậc. Hoặ thấy ca ngợi mới phát tâm Bồ Đề.

乃至十地菩薩功德。或見滿足一切波羅蜜。

Nãi chí thập địa Bồ Tát công Đức. Hoặ kiến mãn túc nhất thiết Ba La Mật.

Thậm chí công Đức của Bồ Tát 10 bậc. Hoặ thấy đầy đủ tất cả Pháp tới Niết Bàn.

入於平等諸法忍門, 廣三昧門, 樂深法門。

Nhập ư bình đẳng chư Pháp nhẫn môn, quảng Tam muội môn, lạc thâm Pháp môn.

Nhập vào các môn Pháp Nhẫn bình đẳng, môn Tam muội rộng lớn, môn Pháp vui thích thâm sâu.

修禪三昧出生通明充滿一切。行菩薩行。

Tu Thiền Tam muội xuất sinh thông minh, sung mãn nhất thiết. Hành Bồ Tát hạnh.

Tu hành Thiền Tam muội sinh ra sáng suốt, tràn đầy tất cả. Thực hành hạnh Bồ Tát.

隨順世間 成就大願。或見與同行菩薩俱。

Tùy thuận Thế gian thành tựu đại nguyện. Hoặ kiến dữ đồng hạnh Bồ Tát câu.

Thuận theo Thế gian thành công nguyện lớn. Hoặ thấy đi theo cùng với Bồ Tát cùng một hạnh.

饒益眾生。或見與一生菩薩。諸佛現前授記者俱。

Nhiều ích chúng sinh. Hoặc kiến dữ nhất sinh Bồ Tát.
Chư Phật hiện tiền thụ kí giả câu.

Lợi ích chúng sinh. Hoặc thấy cùng với Bồ Tát 1 lần
sinh. Đi theo các Phật hiện ra nhớ ban cho thành
Phật.

或見彌勒於百千劫。經行誦念書寫經卷。無有懈怠
。

Hoặc kiến Di Lạc ư bách thiên kiếp. Kinh hành tụng
niệm thư tả Kinh quyển. Vô hữu giải tức.

Hoặc thấy Di Lạc với trăm nghìn kiếp. Đi lại tụng nhớ
viết chép quyển Kinh. Không có lười nghĩ.

或觀法門思惟實義。或入諸禪四無量心。

Hoặc quan Pháp môn, tư duy thực nghĩa. Hoặc nhập
chư Thiền, tứ Vô lượng tâm.

Hoặc quan sát môn Pháp, suy nghĩ nghĩa chân thực.

Hoặc nhập vào các Thiền, tâm Từ Bi Hỉ Xả.

解脫三昧一切入等。或見出生菩薩通明。

Giải thoát Tam muội nhất thiết nhập đẳng. Hoặc kiến
xuất sinh Bồ Tát thông minh.

Tam muội Giải thoát cùng nhập vào tất cả. Hoặc thấy
sinh ra sáng suốt của Bồ Tát.

或見正受變化三昧。一一毛孔出化身雲。

Hoặc kiến Chính thụ biến hóa Tam muội. Nhất nhất mao khổng xuất hóa thân vân.

Hoặc thấy Nhận đúng Tam muội biến hóa. Mỗi một lỗ chân lông sinh ra mây hóa thân.

所謂天身雲，諸龍夜叉，乃至摩睺羅伽身雲。

Sở vị Thiên thân vân, chư Long Dạ Xoa, nãi chí Ma Hầu La Già thân vân.

Gọi là mây thân Trời, mây thân các Rồng Dạ Xoa, thậm chí Ma Hầu La Già.

四天王身雲乃至梵王身雲。

Tứ Thiên vương thân vân, nãi chí Phạm vương thân vân.

Mây thân 4 Vua Trời, thậm chí mây thân Vua Phạm.

轉輪聖王，王子，大臣，長者，居士，聲聞，緣覺，如來身雲。

Chuyển luân Thánh Vương, Vương tử đại thần, Trưởng Giả Cư Sĩ, Thanh Văn, Duyên Giác, Như Lai thân vân.

Mây thân Vua Thánh Chuyển luân, con Vua đại thần, Trưởng Giả Cư Sĩ, Thanh Văn Duyên Giác, Như Lai.

復見一一毛孔中。出一切眾生等化身雲。

Phục kiến nhất nhất mao khổng trung. Xuất nhất thiết chúng sinh đẳng hóa thân vân.

Lại thấy trong mỗi một lỗ chân lông. Sinh ra tất cả chúng sinh cùng với mây hóa thân.

或出菩薩法門。所謂。讚歎菩提心功德門，
檀波羅蜜門。

Hoặc xuất Bồ Tát Pháp môn. Sở vị Tán thán Bồ Đề tâm công Đức môn, Đàn Ba La Mật môn.

Hoặc sinh ra môn Pháp Bồ Tát. Gọi là môn ca ngợi công Đức của tâm Bồ Đề, môn Bồ thí tới Niết Bàn.

乃至願波羅蜜門。四攝諸禪，無量三昧，通明總持，
Nãi chí Nguyên Ba La Mật môn. Tứ nhiếp chư Thiền, vô lượng Tam muội, thông minh Tổng trì,

Thậm chí môn Pháp Nguyên tới Niết Bàn. Bốn hút lấy các Thiền, vô lượng Tam muội, sáng suốt Tổng trì,

諸諦諸辯，止觀解脫，緣起念處，正勤神足，根力覺道，

chư Đế chư biện, chỉ quan Giải thoát, Duyên khởi Niệm xứ, Chính cần Thần túc, Căn lực Giác Đạo,

các Chân lý các biện luận, dừng xem Giải thoát,

Duyên phát ra Nơi nhớ, siêng đứng, Thần túc, lực Căn Phần giác Đạo,

聲聞，緣覺二乘所行，菩薩大乘，諸地諸忍，

菩薩願行。

Thanh Văn Duyên Giác, Nhị thừa sở hạnh, Bồ Tát Đại thừa, chư Địa chư Nhẫn, Bồ Tát nguyện hạnh.

Thanh Văn Duyên Giác, hạnh Duyên Giác, Pháp Bậc Phật của Bồ Tát, các Bậc các Nhẫn nhĩ, hạnh nguyện Bồ Tát.

現如是等一切法門。或於樓觀見諸如來，大眾圍遶，
Hiện như thị đẳng nhất thiết Pháp môn. Hoặc ư lâu
quán kiến chư Như Lai, Đại chúng vi nhiễu.

Hiện ra như thế cùng với tất cả môn Pháp. Hoặc ở lâu
quán thấy các Như Lai, Đại chúng vây quanh.

又知諸佛家族不同，種姓不同。其身壽量劫刹。

Hựu tri chư Phật gia tộc bất đồng, chủng tính bất
đồng. Kỳ thân thọ lượng Kiếp Sát.

Lại biết các họ nhà Phật khác nhau, họ tộc khác nhau.
Lượng thọ Kiếp Nước thân của họ.

教授無量法門。正法住世。分別了知皆悉不同。

Giáo thụ vô lượng Pháp môn. Chính pháp trụ thế.
Phân biệt liễu tri giai tất bất đồng.

Dạy ban cho vô lượng môn Pháp. Pháp đứng dừng ở
Thế gian. Phân biệt biết rõ, hết thấy đều khác nhau.

爾時善財諸樓觀中。見一樓觀高廣嚴飾勝妙於前。

Nhĩ thời Thiện Tài chư lâu quán trung. Kiến nhất lâu
quán cao quảng nghiêm sức thắng diệu ư tiền.

Lúc đó Thiện Tài ở trong các lâu quán. Thấy một lâu
quán cao rộng nghiêm sức tốt đẹp ở phía trước.

包容三千大千世界，百億閻浮提，百億兜率天。

Bao dung Tam thiên Đại thiên Thế giới, bách ức Diêm Phù Đề, bách ức Đâu Suất Thiên.

Bao dung Ba nghìn Đại thiên Thế giới, trăm trăm triệu Diêm Phù Đề, trăm trăm triệu Trời Đâu Suất.

菩薩命終降神受胎出生。遊行七步觀察十方。

Bồ Tát mệnh chung giáng Thần, thụ thai xuất sinh. Du hành thất bộ, quan sát thập phương.

Bồ Tát bỏ mệnh giáng Thần, nhận thai sinh ra. Đi lại 7 bước, quan sát 10 phương.

大師子吼。帝釋，

梵王恭敬奉侍。現童子身處宮殿中。

Đại Sư Tử hống. Đế Thích, Phạm vương cung kính phụng thị. Hiện Đồng tử thân xử cung điện trung.

Sư Tử lớn gầm. Đế Thích, Vua Phạm cung kính vâng trợ giúp. Hiện ra thân Cậu bé ở trong cung điện.

出遊園觀。以薩婆若心出家苦行。現受乳糜往詣道場。

Xuất du viên quán. Dĩ Tát Bà Nhã tâm Xuất gia Khổ hạnh. Hiện thụ nhũ mi, vãng nghệ Đạo tràng.

Đi ra chơi vườn quán. Do tâm Tất cả các loại Trí tuệ Xuất gia Hạnh khổ. Hiện ra nhận cháo sữa, đi tới Đạo tràng.

降伏眾魔。觀菩提樹。轉正法輪。昇天宮殿。

Hàng phục chúng Ma. Quan Bồ Đề thụ chuyển Chính pháp luân. Thăng Thiên cung điện.

Hàng phục các Ma. Xem cây Bồ Đề chuyển vàng Pháp đúng. Lên trên cung điện Trời.

方土劫數。眷屬壽量。行菩薩行。滿足大願。

Phương thổ Kiếp số. Quyển thuộc thọ lượng. Hành Bồ Tát hạnh. Mãn túc đại nguyện.

Số Kiếp phương đất. Lượng thọ quyển thuộc. Thực hành hạnh Bồ Tát. Đầy đủ nguyện lớn.

演說正法教化眾生。現分舍利皆悉不同。

Diễn thuyết Chính pháp, giáo hóa chúng sinh. Hiện phần Xá Lợi giai tất bất đồng.

Diễn thuyết Pháp đúng, giáo hóa chúng sinh. Hiện ra phần Xá Lợi, hết thảy đều khác nhau.

大方廣佛華嚴經卷第五十九

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh quyển đệ ngũ thập cửu.

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật quyển thứ 59.

=====
=====
=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Kinh Hoa Nghiem

Nguyen Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần
Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huề dịch tiếng Việt 3/2013.

=====
=====
=====